

KIÊM-THÊM

TRẦN

TRỌNG KIM

TIMSACH.COM.VN

BẢN TRIỆ

Xuất-bản và Phát-hành

*Thư
H. C. 67*

KIÊM - THÊM
Giáo-Sư Chuyên-Khoa
Văn-Chương và Sinh-Ngữ

Luận - đề về
TRẦN - TRỌNG - KIM
(1882 - 1953)

Đệ Tứ Trung-học Phổ-thông
(Chương-trình mới hiện hành)

In lần thứ nhất

TIÊU-SỬ
TRẦN - TRỌNG - KIM
(1882 - 1953)

- ★ Thời-kỳ tìm học : 1882-1911
- ★ Thời-kỳ hoạt-động văn-học và giáo-dục :
1911-1953
- ★ Những hoạt-động chính-trị : 1945-1953.

THỜI-KỲ TÌM-HỌC (1882-1911).—

Trần-trọng-Kim hiệu là **Lệ-Thần**, người ở làng Kiêu-Linh, xã Đan-Phồ, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Hà-Tĩnh, người cùng chung vùng với Nguyễn-Du và Nguyễn-Công-Trứ. Năm 1888, ông bắt đầu học hán-văn. Năm 1897, ông xoay sang học Tây-học ; trong một thời-gian ngắn (1897-1899) ông có căn-bản khá, được vào học tại trường Thông-ngôn (Ecole des Interprètes). Năm 1903, ông tốt-nghiệp vào hạng ưu-tú, được bổ-nhiệm làm quan tại Ninh-Bình.

Khi phái-bộ Việt-Nam sang Pháp dự hội-chợ Marseille, ông cùng Nguyễn-Văn-Vĩnh theo sang (1906) ; lợi-dụng trong cơ-hội này, Trần-Trọng-Kim xin vào học khoa sư-phạm tại trường Thuộc-Địa Balê (Ecole Coloniale). Mãi cho đến năm 1911, ông tốt-nghiệp, trở về nước, bắt đầu ra công giúp cho nền giáo-dục và văn-hóa nước nhà.

THỜI - KỲ HOẠT - ĐỘNG VĂN-HỌC VÀ GIÁO-DỤC :

Thoạt tiên, khi trở về nước, Trần-trọng-Kim được chính-phủ Nam-triều và Bảo-hộ mời vào dạy học tại các trường Hậu-Bồ (Ecole des Stagiaires) trường Bảo-Hộ và trường Sư-phạm. Năm 1914, ông bắt đầu áp-dụng tư-tưởng Khổng Mạnh trong công việc biên-khảo tài-liệu giáo-dục : Cuốn **Sơ-Học Luân-Lý** ra đời (trình-bày theo chương-trình giáo-khoa đương-thời : gia-đình giáo-dục, cá-nhân giáo-dục, học-đường giáo-dục và xã-hội giáo-dục). Năm 1916, ông lại phối-hợp với nền giáo-dục Tây-phương, trình-bày trong cuốn **Sư-Phạm Khoa Yếu-Lược**

Năm 1919, cùng với ông Schneider, ông đứng ra chủ-trương tờ **HỌC-BÁO**, cơ-quan giáo-khoa đầu tiên của Việt-Nam. Cũng trong thời-kỳ này, ông bắt đầu ra công soạn-thảo bộ **Việt-nam sử-lược** (công-trình này ông được sự giúp-dỡ của hội **Khai-Trí tiến-đức**, các ông Trần-Lê-Nhân và Ưu-Thiên Bùi-Kỷ). Năm 1921, ông lại được bổ-nhiệm làm thanh-tra tiểu-học các trường Bắc-Kỳ.

Năm 1924, ông được mời làm trưởng-ban soạn-thảo những sách giáo-khoa ; cùng giúp việc có các ông : Nguyễn-Văn-Ngọc, Đặng-Đinh-Phúc, Đỗ-Thận. Năm 1939, lại được bổ-nhiệm làm giám-đốc các trường tiểu-học con trai tại Hà-Nội.

Sau khi Nhật đảo-chính (9 tháng 3 năm 1945) ông từ Tân-Gia-Ba trở về được mời làm thủ-tướng thành lập nội-các. Thành-phần chính-phủ gồm nhiều học-giả, nhân-sĩ :

Ngoại-giao	: Trần-văn-Chương
Nội-vụ	: Trần-Đình-Nam
Kinh-tế	: Hồ-tá-Khanh
Tài-chính	: Vũ-văn-Hiền
Tiếp-tế	: Nguyễn-Hữu-Thí
Giáo-dục và Mỹ-thuật	: Hoàng-Xuân-Hân
Tư-pháp	: Trịnh-Đình-Thảo
Thanh-Niên	: Phan-Anh
Giao-thông Công-chánh	: Lưu-Văn-Lang
Y-tế, Cứu-tế	: Vũ-Ngọc-Anh

Tuy nhiên mọi việc chính-trị vẫn ở trong tay người Nhật (1). Nội-các này bị giải-tán sau ngày 19-8-1945. Trần-trọng-Kim quay trở về con đường nghiên-cứu, biên-khảo của mình. Ngày 6 tháng 9 năm 1953, Hội-nghị toàn quốc bầu ông làm chủ-tịch. Ngày 2 tháng 12, ông mất tại Dalat, hưởng-dương 71 tuổi. Các đoàn-thể văn-hóa tại Saigon có làm truy-diệu ở Đông-dương Câu-lạc-bộ (13-XII-1953). (2)

(1) Dưới thời kỳ Nhật thuộc, nội các T. T. Kim cố nhiều cố gắng, nhưng chính cũng vấp nhiều khó khăn. Ngày 23-5-1945, tuyên bố bỏ thuế thân. Dân chúng hoan-nghênh. Bộ Tư Pháp giúp các thứ cờ bạc, trùng trị tham quan, ô lại ở thú-dã, lại còn thành lập 1 ủy-ban đề soạn thảo ra bộ Hì h-luật. Người Nhật muốn tái-lập cơ sở chánh-trị như pháp cũ : Phong cho ông Minoda làm Thống-Đốc Nam-Kỳ, Yokoyama làm đặc-sứ Trung-Kỳ, Tsukamoto làm Khâm-sứ ở Bắc-Kỳ. Cuộc tranh-dấu lại càng nhiều khó-khăn hơn. Dân-dã, Đức đầu hàng (7-5-1945). Ngày 19-8-1945 khâm-sai Phan-Kế-Toại (Bắc-Kỳ) từ chức 8-8-1945 : Toàn-thể nội-các đệ đơn từ-chức. (Tài-liệu ở Hanoi — Saigon 1945)

(2) Nhân trong dịp này ông Lê-văn-Siêu có đọc bài diếu-văn, cụ Bạch-Linh đọc bài thơ liên-hoan kính viếng, nhà thơ Đông-Hồ đọc bài văn Truy-diệu.

TÁC - PHẨM của TRẦN - TRỌNG - KIM

Phân chia ra làm 5 loại :

- Loại sử học
- Loại triết-học (Khổng, Lão, Phật, Vương-Dương-Minh).
- Loại luân-lý
- Loại văn-phạm
- Loại văn-liệu

A. — Loại Sử-học : Việt-Nam Sử-lược.

Chia ra làm 5 thời-kỳ :

- 1) Thượng-cổ thời-dại : Từ Hồng-bàng đến hết Triệu
- 2) Bắc-thuộc thời-dại : Từ Triệu đến Ngô
- 3) Tự-chủ thời-dại : Từ Ngô đến sơ-diệp Hậu-Lê
- 4) Nam bắc phân-tranh : Từ Mạc đến Tây-Sơn.
- 5) Cận-kim thời-dại : Từ Nguyễn đến Bảo-hộ Pháp.

B. — Loại Triết-Học :

1) Nho-Giáo :

Quyển Nhất : Triết-học Khổng - tử — Mạnh-tử, Tuân-tử — Từ Chiến - Quốc đến đời Trần (thời-kỳ trung-suy).

Quyển Hai : Từ thời-kỳ Lương-Hán đến nhà Thanh Nho-giáo ở Việt-Nam.

Phần phụ-lục: Cuộc bàn - luận giữa ông Phan-Khôi và ông Trần - Trọng - Kim về Nho-giáo.

2) Phật-Lục : (Lịch-Sử đức Thích-Ca Mâu-Ni) từ khi đản-sinh cho đến khi thành-đạo và thuyết-pháp. Mười vị đệ-tử lớn nhất. Chư Phật : A-di-đà-Phật, Dược-sư Lưu-ly Quang-vương-phật, các vị Bồ-tát.

Thế-gian và thế-giới theo kinh Phật.

Sự thờ-phụng và cách bài-tú tượng Phật trong chùa.

3) Phật-giáo (trích những bài diễn-thuyết)

4) Phật-giáo thuở xưa và Phật-giáo ngày nay.

5) Đạo-giáo, Đạo Lão-tử (Nam-phong tạp-chí số 67 ; tháng 1 năm 1923)

6) Vương-Dương-Minh (Nam-phong tạp-chí)

C. — Loại Luân-lý :

1) Sơ-học luân-lý (1914)

Chia ra làm bốn phần :

a) Gia-tộc luân-lý

b) Học-đường luân-lý

c) Bản-thân luân-lý

d) Xã-hội luân-lý

2) Sơ-phạm-khoa yếu-lược (nguyên là cuốn : Tiểu-học luân-lý).

3) 47 điều giáo-hóa triều Lê (dịch ra chữ Pháp) :
Les 47 Articles du Cathéchisme Moral de l'Annam d'autrefois)

D. — Loại Văn-Phạm :

1) Việt-Nam tiểu-học văn-phạm.

2) Việt-Nam văn-phạm (cùng soạn chung với Phạm-duy-Khiêm và Bùi-Kỷ).

E.— Loại Văn-liệu :

Truyện Thúy-Kiều Chú-thích (cùng Bùi-Kỷ)

Hạnh-thục-Ca Chú-thích (của bà Lễ-Tân Nguyễn-Nhược-Thị)

Đường-Thi (thơ dịch) (nhà xuất bản Tân-Việt)

Việt-Thi (nhà xuất bản Tân-Việt)



HOÀN-CẢNH XÃ-HỘI

A.— SỰ SUY-ĐÒI CỦA NỀN HÁN-HỌC

Vào hậu-bán thế-kỷ XIX, nho-học bắt đầu xuống dốc mãnh liệt. Đạo-lý tam cương, ngũ-thường không còn là khuôn vàng, thước ngọc cho nếp sống của dân-chúng trong triều, ngoài quận. Thuyết thiên-mệnh không còn là nguồn tin-tưởng của họ trong lúc hoạt-dộng, chờ-dợi thành-công như trước. Trường-ốc không còn là bàn giá-trị đòi năng-lực trí-thức của mỗi nho-sĩ mỗi khi dự vào các trường thi Hương, thi Hội nữa, mà lại là nơi buôn chức, bán phận :

*Thánh ép Ông vào giữa việc thi,
Đêm ngày coi-sóc chốn trường quy.
Chẳng hay gian-dối vì đâu vậy.
Bá-ngọ thằng ông biết chữ gì ?*

(Tứ Xương)

CHÚ THÍCH : Một số tài-liệu nghiên-cứu của ông được hội Khai-Trí Tiến-Đức và ban Văn-học chuẩn-y.

Nho-sĩ bắt đầu phân-tán mãnh-liệt thành nhiều khuynh-hướng khác nhau ; Kẻ phản-bội hàng ngũ cũ của mình, ra giúp tân-trào; người say-mê những cuộc truy-hoan phóng-dãng, tận-túy, tận hưởng, sống trong mộng-tưởng điên rồ ; người trở về quê-nhà, xa-lánh dần những ảnh-hưởng khốc-liệt của nền văn-minh Tây-phương, chăm lo sống cuộc đời lạc-đạo an-bần, độc-hành kỳ-đạo, độc thiện kỳ-thân ; lại có kẻ sống giữa những cuộc thăng-trầm ngang-ngửa của xã-hội, dùng ngòi bút trào-phúng để chỉ-trích những thói hư tật xấu của người đời.

Chu-Mạnh-Trình mất năm 1905. Tú-Xương năm 1907, Nguyễn-Khuyến năm 1909. Đó là giai-đoạn kết-thúc những nhà thơ tiêu-biểu cho những khuynh-hướng trữ-tình, trào-phúng và đạo-lý. Năm 1906, khoa thi thay đổi :

Sử-bài theo sách quan Ngổ-giáp,

Toán-pháp thêm bài hội Trí-tri.

Năm 1915, khoa thi Hương chấm dứt tại Hànội, năm 1918, chấm dứt tại Huế. Trí-thức hoàn-toàn vứt bút lông, giắt bút chì. Theo tài-liệu trong Kiến-văn Tiểu-Lục của Lê-Quý-Đôn mà tính thì giai-đoạn Lê-mạt cho đến 1918 là độ dốc của sự thoái-bộ nho-giáo.

B. — TÂN-HỌC DU-NHẬP :

Phải nói ngay rằng : công-trình của Nam-phong tạp-chí và Đông-dương tạp-chí dự một phần rất lớn-lao trong công-trình du-nhập Tây-phương vào Việt-Nam. Ta thấy những gì ? Những tư-tưởng : cá-nhân chủ-nghĩa, duy-lý chủ-nghĩa, nền văn-học lãng-mạn, trữ-tình, từ-tưởng, dân-chủ, tự-do, bình-dẳng tràn vào.

Trào-lưu văn-học lãng-mạn : Lamartine, Victor Hugo, Chateaubriand, Bernandin de Saint Pierre...

Tư-tưởng tự-do, dân-chủ, bình-dẳng : của Montesquieu, Diderot, Voltaire, Jean Jacques Rousseau...

Khuyh-hướng văn-học trào-phúng, hoạt-kê xã-hội : của Molière, Lesage, La Fontaine...

Khuyh-hướng phê-bình văn-học : Hippolyte Taine, La Bruyère...

Trong công việc chọn-lọc, dường như Nguyễn-văn-Vĩnh và Phạm-Quỳnh đều có định-hướng và sự phân-công rất rõ-ràng : mỗi người tác-dụng về một khía-cạnh khác nhau, hoặc tình-cảm, hoặc tinh-thần của quần-chúng.

C. — PHONG-TRÀO BÁO-CHÍ Ở VIỆT-NAM.

Báo-chí Việt-Nam hoạt-động bắt đầu từ năm 1869, nghĩa là từ khi ông Ernest Poteau giao lại tờ Le Courrier de Saigon cho nhà bác-học Việt-Nam ; Trương-vĩnh-Ký. Từ một tạp-chí thông-tin, biến thành một cơ-quan văn-hóa có giá-trị. Giúp việc cho ông gồm có Tôn-thọ-Tường, Paulus Của, Trương-Minh-Ký. Vào khoảng 1900-1905, Đại-Nam đồng-văn nhật-báo, Nông-Cồ Mìn-dân.. lần-lượt xuất-hiện. Vào khoảng năm 1907, phong-trào Đông-Kinh nghĩa-thực hoạt-động ở Hà-nội do các nhà tân-học và cựu-học đứng ra điều-khiển như : Lương-văn-Can, Nguyễn-Quyền, Lê-Đại, Dương-bá-Trạc, Phan-châu-Trinh, Phạm-Duy-Tốn... Nhiều bài ca ái-quốc như : Thiết-tiên-ca, Kê-dồn-ca, Hải-ngoại huyết-thư... phổ-biến nhanh-chóng trong toàn-quốc chỉ là nhờ những nhà nhiệt-tâm với làn sóng truyền-bá tư-tưởng mới, chủ-tâm đến việc

kêu gọi dân-chúng vào tân-trào, lo tân-dân, theo tân-học... Năm 1913, Đông-dương tạp-chí của Nguyễn-Văn-Vĩnh xuất-hiện. Ông chú-tâm dịch-thuật và phò-biến những sáng-tác-phẩm : Trưởng-giả học làm sang (Molère) — Những kẻ khốn-nạn (Victor Hugo) — Những người đàn-bà thông-thái róm (Molière). Năm 1917, Nam-Phong tạp-chí của Phạm-Quỳnh xuất-hiện, công-việc du-nhập văn-hóa Tây-phương càng chặt-chẻ hơn. Bên cạnh Phạm-Quỳnh ta còn thấy có : Nguyễn-bá-Học, bà Trương-Phổ, Đông-hồ Lâm-tấn-Phác, Nguyễn-Bá-Học (chuyên về loại Gia-đình giáo-dục) Phạm-duy-Tồn (chuyên về loại tả-chân tiểu-thuyết) Năm 1919, Học-Báo của Trần-trọng-Kim xuất-hiện, nhằm đối-tượng là công việc canh-tân và phát-triển nền học-văn nước-nhà.

D. — PHONG-TRÀO NGHIÊN-CỨU SỬ-HỌC :

Phải thừa-nhận rằng : ở địa-hạt này rất tiêu-diều.

Một vài người vẫn biên-soạn theo lối biên-niên, cương-mục ngày trước như Cao-xuân-Dục, Hoàng-cao-Khai, Đỗ-minh-Tâm... không mang lại cho chúng ta một sử-quan vững-chắc, có nguyên-nhân, kết-quả hệ-thống chặt-chẻ với nhau. Trong công-việc du-nhập văn-hóa Tây-phương của Phạm-Quỳnh, ta thấy ông cũng đã chú-trọng đến địa-hạt này. Ông trình-bày những sáng-kiến tiến-bộ của những sử-gia Tây-phương như : Michelet, Guizot, Seignobos, Monod, Chavannes, Giraud...

Trong bài sử-học Chuyên-Luận, Phạm-Quỳnh đã áp-dụng phương-pháp sử-học Thái-Tây, mục-dích cống-hiến cho các

nhà sử-học nước ta một phương-pháp thích-dáng ngõ hầu nghiên-hat trong địa-hat nước nhà.

Trong bài Sử-luận, ông trình-bày một phương-pháp sử-học cò-diễn của Trung-Hoa, ông **Đái-Cát-Thu**, đồng-thời so-sánh những khuyết-diểm đó với ưu-thắng trong công-việc nghiên-cứu theo quan-diểm Tây-phương.

Trương-Vĩnh-Ký cũng đã đánh dấu một cố-gắng rõ-rệt trong cuộc chép sử theo nhãn-quan Tây-phương trong cuốn *Histoire d'Annam*. Ta thấy rõ lương-tâm của con người chọn tài-liệu và phê-bình các tài-liệu. Một nguyên-nhân chính đáng để thúc-dẩy công-việc biên-khảo này là nhờ sự thành-lập trường Viễn-Đông Bác-Cồ (E.F.E.O.) Các giáo-sư chuyên coi công-việc giáo-dục đã chu-cấp nhiều tài liệu và xây-dựng một sử-quan khoa-học và tiến-bộ. Trong công-việc này chúng ta phải kể đến công-trình của sử-gia **Charles Maybon**. Về phương-pháp lịch-sử, ông chú-trọng đến công-việc sưu-tầm tài-liệu : đưa ra ánh-sáng, những tài-liệu mới, đồng thời, dùng một quan-niệm phê-bình chính-xác trong công việc chọn-lọc, những sự-kIỆN lịch-sử chính-yếu.

E. — LÀM GIÀU TIẾNG VIỆT

Vì nhu-cầu của thời-dại, chúng ta thấy xuất-hiện một số danh-từ mới ; lại nữa trong khi du-nhập văn-hóa Tây-phương, nhiều quan-niệm mới xuất-hiện. Ngày trước, chúng ta chỉ chú-trọng vào những danh-từ thuộc phạm-vi vật-lý ; trong công việc khai-thác các tài-liệu tâm-lý, luân-lý, nhiều danh-từ mới xuất-hiện. Tinh-thần chính-xác của khoa-học bắt chúng ta phải minh-dịnh rõ giá-trị của từng danh-từ, để khỏi lệch-lạc ý-nghĩa.

Trong công việc này, hội Khai-Trí Tiến-Đức đã hội-hợp những nhà khảo-cứu ngôn-ngữ, danh-từ mới, biên-soạn Tự-Điền Việt-Nam. Nam-Phong tạp-chí cũng dành một phần đề dịch từ-ngữ (phần cuối) Trương-vĩnh-Ký, Bùi-Kỷ, Phạm-duy-Khiêm, Trần-trọng-Kim biên-soạn sách Văn-phạm.

E — PHƯƠNG-DIỆN TRIẾT-HỌC :

Vào cuối thế-kỷ thứ XIX, dường như hầu hết các nho-sĩ lớp cũ hay lớp mới đều băng-khuâng trong công việc tìm một nhận-thức, nhân-sinh, khả-dĩ làm địa-bản cho công việc nhận-định của mình. Cái tình-trạng : **Nước biếc non xanh, coi vắng-vẻ ; Kẻ đi, người lại, dáng bơ-vơ...** trông thê-lương vô cùng. Theo mới, họ đã không có một cơ-sở vững-vàng, theo cũ, họ mang thành-kiến là không còn hợp thời, không văn-minh, còn đeo-đôi lối văn-chương đặc-đức hủ-nút. Chính Trần-trọng-Kim cũng đã xác-nhận tình-trạng đó như sau :

(...) Cái tình-trạng nước ta ngày nay là thế, khác nào như chiếc thuyền đi ra giữa bể, đánh mất địa-bản chỉ-nam, không biết phương-hướng nào đi cho phải đường, cứ lênh-đênh mãi, không khéo lại bị sóng gió va vào đó vỡ mặt... (Nho-Giáo ; Tập Thượng ; Lời Tựa)

Nhưng, sau một thời kỳ ổn-định, các nhà ưu-tâm đến tư-tưởng triết-học Tây-phương, duy-trì và phát-triển những điều hay trong triết-học cổ-truyền. Những tư-tưởng của Descartes, Paul Carton, Bergson, Freud, Pascal... là đề-tài suy-tư của trí-thức. Trong khi đó, triết-học Khổng-tử, Mặc-tử, Lão-tử, Trang-tử, Thích-ca cũng được trình-bày theo nhãn-quan mới. Mỗi nền triết-học đều trình-bày những ưu-điểm và

khuyết-diểm của kẻ thi-hành từ trước đến nay, trải qua không gian và thời-gian đã chuyển-biến thế nào. Bài học kinh-nghiệm đã giúp cho người sau theo đó đề đề-phòng.

Chính tư-tưởng triết-học đó đã lần-lần xâm-nhập trong các bộ-môn hoạt-động khác như : văn-chương, luân-lý, chính-trị, xã-hội, giáo-dục. Nhiều cuộc tranh-luận xảy ra cho chúng ta thấy rõ ánh-sáng của triết-học, từ lý-thuyết đến thực-hành sai-lệch nhau ra sao ? nhận-định của mỗi người qua các góc-cạnh như thế nào ?

TÓM LẠI

Trong lúc nền hán-học suy-đổi đến độ cuối, văn-hóa Tây-phương tràn vào Việt-Nam, tình-trạng văn-chương, tư-tưởng, học-thuật nước nhà phải trải những cuộc biến-động mạnh. Nguyên nhân cũng là vì hai cơ-sở xã-hội khác nhau (tiền-tiến và hậu-tiến), lại gặp phản-ứng của tinh-thần truyền-thống bất-khuất của dân-tộc. Chính trong lúc này, những nhà hữu-tâm với nước nhà tìm cách phối-hợp cho thích-ứng.



Ý-KIẾN PHÊ-BÌNH
TRẦN - TRỌNG - KIM

★ **DƯƠNG - QUẢNG - HÀM :**

Trần-trọng-Kim (hiệu Lệ-thần) là một nhà sư-phạm đã soạn nhiều sách giáo-khoa có giá-trị và một học-giả đã có công khảo-cứu về nam-sử và các học-thuyết cổ về Á-Đông.

(trích trong Việt-Nam văn-học sử-yếu — Bộ Quốc-gia giáo-dục tái-bản lần thứ tư. Trang 434)

★ **THIỆU - SƠN :**

(...) Ông mới thật được tiếng từ ngày có quyển Nho-giáo ra đời, song đối với những bậc trí-thức trong nước, thì cái giá-trị của ông đã rõ-rệt và từ lâu rồi vậy. Những bài khảo-cứu về Đạo-giáo trong báo Nam-phong, những bài diễn-thuyết về truyện ở hội Khai-Trí Tiến-Đức, những bài luân-lý vừa giản-dị, vừa thâm-trầm, vừa bổ-ích cho bọn thiếu-niên, hai quyển An-nam sử-lược, biết bao nhiêu công-trình kê-cứu, há chẳng đủ cho biết cái học-lực, cái văn-tài và cả đến cái tâm-sự của ông nữa ư ! Khác với những người được cái học ở nhà trường un-đức, ông chỉ sở-đắc ở cái học lấy (enseignement post-scolaire).

Nguyên ông đã rắp chí làm một nhà học-giả, nên cái học của ông nó trọng lấy cái sâu, mà không cần lấy cái rộng, nghĩa là nó có cái tánh-cách chuyên-môn.

Ông chuyên về hai loại : cổ-học và sử-học. Nghĩa là ông muốn khôi-phục lấy cái đời tinh-thần và thực-tế của tiền-nhân ta. Cũng như nhiều nhà trí-thức, quan-niệm nhân-loại từ xưa đến nay, cho tới sau này nữa, chỉ là một người, nó cứ tiến-hóa cùng thời-gian mãi mãi, không bao giờ phải gián-đoạn, mà không một phần nào là hư-vô (...)

(trích trong Phê-Bình và Cáo-Luận)

★ NGHIÊM - TOÀN :

(...) Sự nghiên-cứu, hiệu-dính, phê-bình, trứ-thuật của các ông (Trần-trọng-Kim, Nguyễn-văn-Tổ), Lê-Dư, Phan-Khôi, Bùi-Kỷ, Nguyễn-văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh, Phan-kế-Bính, Nguyễn-hữu-Tiến ...) đã có quy-củ, phương-pháp và cách hành văn lấy sáng-sủa, giản-dị làm đầu.

(trích Việt-Nam văn-học-sử trích-yếu ; tập II.
Nhà sách Vĩnh-Bảo ; trang 96)

★ ỨNG-HOÈ NGUYỄN-VĂN-TỔ :

Bộ sử của ông Kim vẫn là bộ sử có giá-trị nhất. Tác-giả tìm tài-liệu sẵn trong sách nhỏ, dàn-xếp và chia thời-đại rất khéo ; bỏ cái lối kể dài giòng về những việc riêng của các vua, chỉ chép những điều quan-trọng đến dân-gian, đề ý đến lịch-sử của nước nhà hơn là lịch-sử nhà vua.

(trích trong cuốn : Cuộc phỏng-vấn các nhà văn của Lê-Thanh — Nhà xuất-bản Đời-Mới 1943).

★ SỞ-CUỒNG LÊ-DƯ :

Ông Trần-trọng-Kim là một nhà học-giả chân-chánh, rất chuyên về cổ-học : Ông là một nhà tây-học xuất-thân, nhưng vốn nề-nếp nho-nhã, tinh-thông hán-học, cho nên trong

việc khảo cổ của ông, ông cũng có dụng-công dùng phương-pháp khoa-học. Trong cái đời hiện-tại của ông, tuy bận thực-hành việc **đào-tạo bọn ngây-thơ**, nhưng bao giờ cũng đề-tâm đến công việc nghiên-cứu. Cách ít lâu, thấy ông đem cái sở-đắc trong học-nghiệp của ông ra hiển đời bằng những bộ sách rất có giá-trị, mà trong thư-viện quốc-văn của nước nhà xưa nay chưa từng thấy...

Ông Trần-trọng-Kim vừa là một nhà học-giả sùng-bái Khổng-Mạnh, vừa là một nhà hùng-biến. Trước khi xuất-bản bộ Nho-Giáo, ông đã mấy lần diễn-thuyết về nó ; trước mặt thính-giả, ông không ngần-ngại mà đã hết sức bênh-vực cho đạo Nho (ở hội-quán Việt-Nam Thanh-Niên).

Trái với ông Phan-Khôi, cái gì của Khổng-giáo hình như ông Lệ-thần cũng đều cho là phải, là đúng, là thích-trung.

Ông ham-mộ văn-chương, ông đã cùng ông Phạm-Quỳnh diễn-thuyết, bình-luận và tán-dương văn-chương truyện Kiều, sùng-bái ông Nguyễn-Du (tác-giả Kiều) cũng chẳng kém gì tôn-trọng Khổng-Tử.

(trích trong cuốn : Những áng văn hay
Văn-học từng-thứ) Nam-Ký thư-quán (1933).

★ V.N.P.

— Đọc tất cả các văn-phẩm của ông Trần-trọng-Kim, người ta thấy tuy không nhiều, nhưng quyền nào cũng vững-vàng, chắc-chắn, không bao giờ có sự cầu thả.

— Ông có oái khuynh-hướng rõ-rệt về loại biên-khao : chỉ đọc qua nhan sách, người ta cũng có thể thấy ngay : hết

lịch-sử đến đạo Nho, đến đạo Phật rồi đến mẹo luật tiếng Việt-Nam.

— Ông là một nhà giáo-dục, nên những sách của ông toàn là những sách học cả.

— Văn ông là một văn rất hay, tuy rất giản dị mà không bao giờ xuống cái mực tầm thường ; lời lời sáng suốt, giọng lại thiết-tha như người đang giảng dạy.

— Lối văn ấy là lối văn của một nhà văn có nhiệt-tâm, có lòng thành thật.

(Nhà Văn Hiện Đại C II)

(Nhà xuất-bản Vĩnh-Thịnh) (1951) trang 41

PHẢN LUẬN-ĐỀ VĂN - CHƯƠNG

Gồm có những đề-tài thuộc về các phạm-vi sau đây:

- Văn-học-sử
- Quan-niệm văn-chương
- Quan-niệm sử-học
- Quan-niệm dung-hòa văn-hóa Đông,Tây...
- Quan-niệm luân-lý.



Luận-đề

Anh (hay chị) hãy trình-bày quan-niệm chép sử của Trần-trọng-Kim qua cuốn Việt-Nam Sử-Lược.

PHẦN HƯỚNG-DẪN

Đầu đề nêu ra cho chúng ta những ý sau đây :

1.— Việt-Nam sử-lược là một tác-phẩm nghiên-cứu có giá-trị, theo tinh-thần Tây-Phương, theo lối Cương-Mục, nghĩa là không theo mẫu-mực nghiên-cứu cổ-thời. Ra đời trong khi nền văn-học Tây-phương bành-trướng mạnh-mẽ sang Việt-Nam, lẽ tất nhiên hấp-thụ nhiều sáng-kiến mới, theo nhận-thức-quan khoa-học.

2.— Trong lời Tựa, chính Trần-trọng-Kim đã nêu rõ : mục-dịch, công-dụng, những khuyết-điểm của phương-pháp chép sử cũ ; đồng thời nêu rõ quan-điểm của mình.

3.— Lại nữa, trong phạm-vi lịch-sử, ở nước ta đang còn chậm-tiến về phương-diện nghiên-cứu, cho nên, cần trình-bày rõ tường-tận những tiến-bộ trong khoa này, đồng thời, chúng ta dựa vào đó, trình-bày những ưu-điểm và khuyết-điểm của Trần-trọng-Kim.

DÀN-BÀI TỔNG-QUÁT

A.— NHẬP ĐỀ

Năm 1919, Trần-trọng-Kim bắt đầu soạn-thảo Việt-Nam Sử-Lược. Đây là một công trình giá-trị, về nội-dung cũng như về phương-pháp. Về nội-dung, dù chỉ lược, nhưng ít ra cũng nêu những điểm quan-yếu, cần-thiết cho thể-hệ văn-học sau này ; về phương-pháp, ông bắt đầu áp-dụng một phương-pháp mới, thoát-ly những nguyên-tắc cổ-truyền, cố gắng tìm những tương-quan, những nguyên-nhân, kết-quả, những tài-liệu hán-văn, pháp-văn, dã-sử, nhiều khía-cạnh mới.

B.— THÂN BÀI

I.— Phân-tách những khuyết-diểm của phương-pháp cổ-diền :

Trong lời Tựa «**Việt-Nam Sử-Lược**», Trần-trọng-Kim nêu rõ những khuyết-diểm của phương-pháp cũ, lăm-lẫn và càng làm tiêu-ma ảnh-hưởng trong 3 phần sau :

a) Lối biên-niên và vụ chính-quyền phong-kiến :

Ngày trước, sử-gia đều là sử-thần, nghĩa là ăn lương bổng của Triều-đình, chuyên lo công việc chép sử : Lê-văn-Hưu với nhà Trần, Ngô-Sĩ-Liên với nhà Lê, cũng như Boileau, Racine với vua Louis XIV (1677). «**Cả nước chỉ cốt 1 họ làm vua, cho nên nhà làm sử cứ theo cái chủ-nghĩa ấy mà chép sử, thành ra những sử đời nào chỉ nó chuyện vua đời ấy mà thôi**».

Ngoài ra, họ còn chỉ dùng lối Biên-niên, có nghĩa là chỉ biên-chép ngày tháng riêng-biệt nhau, không tìm ra những

tương-quan chẳng-chặt. nguyên-nhân hay kết-quả, không giải-thích cái gốc-ngọn, cùng những giao-thoa xã-hội ra sao ?

b) Học sử Tàu :

Đã thế, mà trong các học-đường ngày trước, nho-sĩ chỉ ham-mê học sách Tàu, những điển-cổ của Tàu, chứ chuyện nước nhà, bao nhiêu cuộc thịnh-suy chẳng khi nào để ý đến. Thi-cử là lối thoát duy-nhất của họ, cho nên không còn năng-lực, thì-giờ để tìm-hiểu thêm văn-minh, thịnh-suy của dân-tộc nữa. Nếu trong sử có gây nên một tinh-thần, một niềm cảm-hóa gì chẳng nữa, cũng chỉ là khai-thác trong sử-liệu ngoại-bang mà thôi.

c) Chép bằng chữ Tàu :

Ngày trước, mọi tài-liệu văn-hóa đều ghi chép bằng chữ Nho. Cuối thế-kỷ thứ XIX, chữ nho không được thông-dụng nữa. Người nho-sĩ nếm bút lông, giắt bút chì :

*Đạo học nhà nho đã hỏng rồi,
Mười người đi học, chín người thôi.
Có hàng bán sách lim-dim ngủ,
Thầy khóa tư-lương nhấp-nhỏm ngồi.*

(Đạo học — Trần-tế-Xương)

Nếu không có văn-phạm bằng chữ Quốc-Ngữ (mẫu-tự La-tinh) thì sau này khó lòng mà lưu-hành tài-liệu được, nhất là khi lối người theo Nho-học càng thừa-thớt.

2. — Phương-pháp sử-học của Trần-trọng-Kim :

Trình-bày những khuyết-diểm đó, chính là mục-tiêu sáng-tác và nghiên-cứu sau này của Trần-trọng-Kim vậy.

a) Chủ-Đích :

Viết sử, xét những nguyên-nhân, hậu-quả trong lịch-sử nước nhà, tức là làm cái gương chung-cổ cho người đời sau dựa và đó làm kinh-nghiệm cần-thiết cho cuộc sanh-hoạt hiện-hữu của mình vậy. Lòng yêu nước càng thêm nồng-nhiệt hơn, chúng ta mới hết lòng, hết sức chăm lo tô-bồi cơ-sở của tiền-nhân để lại cho chúng ta.

b) Phương-pháp :

Sưu-tầm tài-liệu : dựa vào những tài-liệu Hán-văn, Pháp-văn, dã-sử.

Hán-văn có : Ngô-sĩ-Liên, Phan-huy-Chú, Ngô-thì-Sĩ,

Nguyễn-nhược--Thị, tài-liệu của Quốc-sử-quán. Pháp-văn có : Trương-vĩnh-Ký, Maybon, Ruissier, Cultrou, Louvet, Dupuis, Silvestre, Shneider, Gosselin, E. Luro... Theo quan-niệm của Trần-trọng-Kim, có thể dựa và dã-sử, nhưng gạt bỏ những phần huyền-hoặc.

Khảo-sát tài-liệu : Tiếp đó, cần có tinh-thần khách-quan để đối-chiếu sử-liệu, xem đoạn nào đúng với sự thật hơn, có thể nhìn đủ mọi cạnh-khía hơn.

Phê-phán tài-liệu lịch-sử : Lại có đoạn, ông lại nêu ý-kiến riêng của mình. Ví dụ : khi bàn đến công-nghiệp của nhà Tây-sơn, ông viết :

(...) Những người làm quốc-sử nước Tàu và nước ta thường cứ chia những nhà vua làm **chính-thống** và **ngụy-triều**. Nhà nào mà một là đánh giặc mở nước, sáng-tạo ra cơ-nghiệp, hai là được kể-truyền phân-minh, thần-dân đều phục, ba là dẹp loạn, yêu dân,

dựng nghiệp ở đất Trung-nguyên thì cho là chính-thống. Nhà nào mà một là tôi cướp ngôi vua, làm sự thoát-dạt không thành ; hai là xưng đế, xưng vương ở chỗ rừng núi, hay nơi đất biên-dịa, ba là những người ngoại chủng vào, chiếm nước làm vua, thì cho là Ngụy-triều. (...)

Còn nhà Tây-sơn : Đời Lê-mạt là một thời đại loạn, cơ vua lại có chúa, chúa Nguyễn ở phương Nam, chúa Trịnh ở phương Bắc, Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Nhạc dấy lên không phải là chống với nhà vua, mà chỉ chống với những người tiếm quyền nhà vua, sở dĩ nhà Lê mất là vì nhà Lê nhu nhược, chứ chính thực, Nguyễn-Huệ đã diệt chúa Trịnh mà tôn vua Lê rồi, đến khi quân Tàu lấy cớ giúp Lê đề định chiếm nước Nam, thì lẽ tự nhiên là một khi đánh đuổi quân Tàu, Nguyễn-Huệ phải xưng Hoàng-đế. Như thế là **chính-thống**, chứ không phải Ngụy-Triều.

Phân chia thời-dại : Toàn bộ, ông phân - chia làm 5 thời-dại :

— Thượng-cổ thời-dại : (từ Hồng-Bàng đến hết nhà Triệu) : Phần nhiều là những chuyện hoang-dường, theo tục truyền mà chép lại, chứ không có di-tích gì.

— Bắc-thuộc thời-dại : (Nhà Triệu mất nước đến họ Ngô dấy nghiệp, độc lập) không có tài liệu chính xác, chỉ dựa vào những tài-liệu sử-ký Tàu).

— Tự-chủ thời-dại (từ Ngô đến sơ-diệp nhà Hậu-Lê) Văn-trị, võ công trong thời-kỳ này thật hiển-hách.

— Nam Bắc phân tranh (nhà Mạc đến sự thoán đoạt của nhà Tây-sơn).

— Cận kim thời-dại (Đầu nhà Nguyễn đến Pháp thuộc).

3.— Những khuyết - điểm của Trần - trọng - Kim trong Việt-Nam Sử-Lược :

Nhưng, nếu chúng ta xét trên bình-diện một tác-phẩm sử-học hoàn-toàn theo tinh-thần khoa-học, còn cần những tài-liệu chính-xác hơn, nghĩa là cần vận-dụng những khoa : cổ-sinh-vật-học, khảo-minh-học, cổ-tự-học... Trần-trọng-Kim thiếu những phương-tiện đó.

Nhưng điều này đòi-hỏi nhiều công-phu trọng-dại, nhiều nhiều người hợp-tác đặc-lực, tài-chính phong-phú (hay sự tán-trợ của một cơ-quan văn-hóa hoặc chính-quyền), thời-gian lâu-dài. Đẳng này, Trần-trọng-Kim thiếu-thốn trăm bề :

Về nhân-tài : Không có ai cộng-sự nhiệt-tâm.

Về thời-dại : Tình-trạng văn-hóa nước nhà hồi 1919 mới du-nhập khoa-học của Tây-phương ; chính trường Viễn-Đông Bác-Cồ cũng chưa hoạt-dông chặt-chế, thấu-đáo.

Về thời-gian : Vì nhu-cầu đòi-hỏi cấp-thời, ông phải đứng ra đảm-nhận trọng-trách nặng-nề đó.

Chính ông cũng đã tự thú nổi bất-lực của mình :

(. . .) Độc-giả cũng nên biết cho rằng : bộ này là bộ Sử-lược, chỉ cốt ghi-chép những việc yếu-trọng, đề hấy tạm giúp cho những người hiếu học, có sẵn quyển sách mà xem cho tiện. Còn như việc làm thành ra một bộ sử thật là đích-dáng, kê-cứu và phê-bình rất tường-tận, thì xin đề dành cho những bậc tài-danh sau này sẽ ra công mà giúp nước ta về việc học sử. (Lời Tựa V.N.S.L.).

C.— KẾT-LUẬN :

Việt-nam sử-lược là một công-biên-soạn kỹ-càng, một tinh-thần nghiên-cứu khoa-học và một thiện-chí nồng-nhiệt với văn-hóa nước nhà vậy.



ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI

1) Bình-luận lời của Trần-trọng-Kim :

Người trong nước có thông-hiểu những sự tích nước-nhà mình thì mới có lòng yêu nước, yêu nhà mới biết cố gắng học-hành, hết sức làm-lụng để vun-đắp thêm vào cái nền xã-hội của tổ-tiên đã sanh nên mà để lại cho mình.

2) Người xưa thường bảo :

Ôn cố, tri tân

Nếu áp-dụng câu này vào sử-học nước nhà, ta thâm-thập được những kinh-nghiệm gì ?

Luận-đề

Dựa vào cuộc đời hoạt-động của Trần-trọng-Kim để giải - thích lời của giáo-sư Dương-Quảng-Hàm :

« Trần-trọng-Kim là một nhà sư-phạm đã soạn nhiều sách giáo-khoa có giá-trị và một học-giả đã có công khảo-cứu về Nam Sử và các học-thuyết cổ của Á-đông ».

(trích V.N.V.H.S.Y. trang 434)

PHẦN HƯỚNG-DẪN

1. — Lời phê-bình của giáo-sư Dương-Quảng-Hàm, một nhà nghiên-cứu tổng-quát, nhưng sâu-sắc. Thường thường những ý phê-phán của ông tuy ngắn-ngủi, tuy nhiên, chúng ta có thể dựa vào để nhận-dịnh những điểm cần-thiết cho công việc phân-tích.

2. — Lời bình-luận trên đây có thể cắt ra thành từng đoạn :

— Ông là một nhà sư-phạm.

— Soạn những sách giáo-khoa có giá-trị.

— Một học-giả khảo-cứu về nam-sử và các học-thuyết cổ Á-đông.

DÀN BÀI

NHẬP ĐỀ :

Độc Trần-trọng-Kim, ta thấy rõ một thái-độ: cần-thận, công-phu, một trí-thức: sâu-sắc, rộng-rãi. Đó là kết-quả của công-trình đào-luyện công-phu và cũng nhờ ý-thức tất cả cuộc-diện thắng-trầm của cuộc-diện, vai trò cần-thiết của sĩ-phu. Vì thế, trong khi nhận-định tổng-quát về nhà học-giả này, chính giáo-sư Dương-Quảng-Hàm đã viết :

Trần-trọng-Kim là một nhà..... á-đông (V. N. V. H. S. Y. 434).

THÂN BÀI :

I.— Ông làm một nhà sư-phạm :

— *Sư-phạm trong phận-sự* : Xét trong tiểu-sử của Trần-trọng-Kim sau khi ở Pháp trở về (1911), ông bắt đầu dạy học tại các trường Hậu-Bồ, trường Bảo-Hộ và trường Thuộc-địa Sư-Phạm ; tiếp đó, ông làm Thanh-tra, Tiểu-học (1921) giám-đốc các trường tiểu-học tại Hà-nội (1933).

— *Sư-phạm trong phương-pháp giáo-khoa* : Độc các sách giáo-khoa của ông, ta thấy rõ một phương-pháp khoa-học, thích-ứng với trình-độ học-sinh từng lớp, thâm-thập rất dễ-dàng. Mỗi cuốn chia thành từng chương-mục, số dàn-bài, có phần toát-yếu, giải-thích từ-ngữ công-phu.

Bất cứ đọc một tác-phẩm nào của ông, ta cũng thấy trình-tự đúng-dẫn đó. Trong cuốn Nhà Văn Hiện-Đại, tác-giả nói thật đúng :

Văn ông là một thứ văn hay, tuy rất giản-dị mà không bao giờ xuống cái mực tầm-thường ; lời sáng-suốt, giọng lại thiết-tha, như người đang giảng-dạy. Lối văn ấy là lối văn của một nhà văn có nhiệt-tâm, có lòng thành-thật (trang 41).

Ông biên-soạn nhiều sách giáo-khoa có giá-trị :

Sách giáo-khoa của ông thuộc về nhiều phạm-vi khác nhau, nhưng chung-quy là chu-cấp nhu-yếu cho học-sinh trong thời-kỳ nền giáo-dục mới chưa có chân đứng vững :

Loại chú-thích và phê-bình, dẫn-giải : Đường thi Việt-thi, Hạng-thực-ca, Truyện Thúy-Kiều (cùng chung với cụ Bùi-Kỷ).

Loại văn-phạm : Việt-Nam tiểu-học văn-phạm, Việt-Nam Văn-phạm (ngày nay, chương-trình giáo-dục của chính-phủ (1958...) vẫn tạm mượn cuốn này để làm mẫu-mục trong khi chờ-đợi hoàn-thành những công-trình cần-thận hơn).

Loại luân-lý : Sơ-học luân-lý (áp-dụng luân-lý trong học-đường) Sơ-phạm-khoa yếu-lược (dùng các nhà giáo-dục mới ra nghề, tham-khảo theo phương-pháp giáo-dục Tây-phương).

3.— Ông là một học-giả có công khảo-cứu về Nam-sử :

Bộ Việt-Nam Sử-lược của Trần-trọng-Kim có tinh-thần tiến-bộ. Ông áp-dụng lối cương-mục, không dùng lối biên (niên, là một phương-pháp khó-khăn, tìm rõ những nguyên-nhân, những kết-quả, những tương-quan chằng-chịt ; Ông lại

hết sức khách-quan trong công việc chọn-lựa và nghiên-cứu những tài-liệu : hán-văn, pháp-văn hay những dã-sử. Sau cùng, ông dùng tinh-thần phê-phán, theo ý-kiến riêng của mình nghĩ là phải nhìn tất cả những góc-cạnh sâu-xa của vấn-đề (thề phê-bình bao giờ cũng đến sau cùng thề văn khác, nhà phê-bình phải có tầm mắt soi sáng tinh-tường các hiện-tượng lịch-sử).

4.— Có công khảo-cứu về các học-thuyết Á-Đông :

Trong những công-trình nghiên-cứu của Trần-trọng-Kim về triết-học Á-đông, chúng ta phải kể đến :

Nho-Giáo (chia ba phần thật kỹ-càng: Phần lý-thuyết về hình-nhi thượng-học và hình-nhi hạ-học ; Phần lịch-sử truyền-bá tại Trung-hoa từ thời Xuân-thu Chiến-Quốc cho đến nhà Thanh : đồng-thời bàn về sự truyền-bá ở Việt-Nam.

Sau cùng là phần bàn-cãi giữa Trần-trọng-Kim cùng ông Phan-Khôi về Nho-giáo).

Phật-giáo : Lịch-sử đức Phật Thích-Ca từ khi Đản-sinh cho đến khi thành-đạo là truyền-đạo. (cuốn Phật-Lục) Phật-giáo thuở xưa và Phật-giáo ngày nay.

Lão-giáo (dăng trong Nam-Phong tạp-chí).

Vương-Dương-Minh (dăng trong Nam - Phong tạp - chí).

Tinh-thần trình-bày và phê-phán :

Trong khi trình-bày những học-thuyết cổ-diễn Á-đông, kỹ thật Trần-trọng-Kim có một dụng ý thật rõ-ràng : xác-dịnh lại giá-trị chính-thống của mỗi học-thuyết để tránh những điều

ngộ-nhận, đồng thời đánh đổ những điều xuyên-tạc, mê-tin dị-doan làm sai-lầm.

Đồng thời trong khi giới-thiệu, ông đã đem học-thuyết Nho-giáo ra so-sánh với nhân-sinh-quan, nhận-thức-quan và vũ-trụ-quan của những học-thuyết của Tây-phương như : Pythagore, Socrate, Auguste Comte, Henri Bergson. Nhờ vậy, những nhà theo tân-học mới so-sánh, phóng tầm mắt rộng-rãi ra tìm-hiểu cùng mọi vật. Nhân đó, chúng ta có thể biết được sở đoan và sở trường của từng học-thuyết.

Tinh-thần thận-trọng và hiểu-biết :

Sau khi biết Nho-giáo, Trần-trọng-kim phải giải-mình những lời phê-phán của Phan-Khôi và của Ngô-tất-Tổ. Mỗi lần thấy rõ khuyết-điểm của mình thì trong lần tái-bản Trần-tiên-sinh lại sửa-chữa ngay cho đúng với nhận-thức-quan khoa-học và chính-thống. Nhưng, nếu gặp phải những điểm nào không đồng ý với người phê bình, ông lại dẫn-chứng rẽ-rang từng điểm theo tứ-thư, ngũ-kinh rành-mạch ; không chủ-quan, mà không tự-ty mặc-cảm.

Cụ Phan-Khôi sau khi phê-phán những ưu, khuyết-điểm trong bộ Nho-giáo đã phải thừa nhận đó là mộ tinh-thần khảo-cứu khoa-học, tiến-bộ :

(...) Một cuốn sách nói về Nho-giáo tường-tận tinh tế như thế thiết là trong cõi Việt-Nam ta, từ xưa đến nay chưa hề có, mà cũng chỉ có người nào chịu phép "báp tem" của khoa-học như Trần-quân thì mới nói được ra. Cho nên, công việc này, nói thì mịch tòng-dâu có thể trôngmong được ở những nhà nho cò-hủ (P. N. T. V. số 54).

Tinh-thần sáng-tạo : Trong bộ Nho-giáo, Trần-trọng-Kim có nhiều tinh-thần sáng-tạo. Đã chọn-lọc tất cả những kinh-sách của Khổng-Tử cùng các đệ-tử, đồng thời trình bày theo mạch-lạc rõ-ràng theo hệ-thống vững chắc, nhìn qua những cuộc thịnh suy của các triều-đại hưng-vong do những ảnh-hưởng chính-trị, tôn-giáo, chính-trị, kinh-tế gây nên phải có một tầm mắt tổng-quan mới có thể bao quát tất cả mọi vấn-đề dễ-dàng được. So sánh lý-thuyết chính-thống với những sự biến-đổi qua từng triều-đại, ông tìm bản-chất của học-thuyết.

5) Nhìn chung sự-nghiệp của Trần-trọng-Kim :

Vai trò của Trần-trọng-Kim đối với văn-học nước nhà :
 Trong khi nền văn-minh của Tây-phương tràn sang Việt-Nam, những nhà tân-học có tâm-chí với công-việc xây-dựng văn-hóa nước nhà, họ tùy theo khả-năng hiện-hữu của mình để chăm lo hoạt-động : Phạm-Quỳnh thì du-nhập những trào-lưu tư-tưởng văn-nghệ Tây-phương bằng cách dịch-thuật hay bình-luận, Nguyễn-văn-Vĩnh thì chăm lo giới-thiệu những sáng-tác-phẩm hữu-danh, có tính-chất giáo-dục con người, thì Trần-trọng-Kim với khả-năng, với địa-vị, với phương-tiện sẵn có của mình, đi vào con đường giáo-dục. Ở đây, ông gặp Bùi-kỷ, Nguyễn-bá-Học, Nguyễn-văn-Ngọc. *Đạo-đức trí-thức :* Ngoài ra, ta cũng cần nhìn đến đạo-đức sáng-tạo của Trần-trọng-Kim : óc tìm-học, chí-khí hoạt-động và ý-hướng thật cao-rộng, theo đuổi đến kỳ-cùng. Có người thắc-mắc đến những công-việc chính-trị của ông, tuy nhiên đó là một khía-cạnh khác, không làm nghiêng-ngửa hay bán rẻ giá-trị của ông. Mỗi khi rảnh rỗi, ông, ông vẫn lấy con đường văn-hóa làm cứu-cánh cho cuộc sống tinh-thần của đời mình.

KẾT - LUẬN

Hai giá-trị ; giáo-dục và văn-học là mục-tiêu của đời hoạt-dộng Trần-trọng-Kim. Nó bổ-túc lẫn-nhau, thắt-chặt tinh-thần và chương-trình làm việc. Dù ở khía-cạnh nào chẳng nữa, ta vẫn thấy rằng : Trần-trọng-Kim đã tiến đến giá-trị độc-dáo.



ĐỀ TÀI ĐỀ-NGHỊ :

Bình-giải lời của Trần-trọng-Kim :

« Người có hạnh cũng như cái hoa hương thơm vậy, càng thơm bao nhiêu lại càng quý bấy nhiêu » (S.H.L.L. trang 168)



Luận-đề

Giải-thích lời nói của Trần-trọng-Kim :

• Lấy truyện Kiều mà xét tâm-sự của Tố-Như tiên-sinh thì tưởng không làm được ».

PHẦN HƯỚNG-DẪN

1) Câu này trích trong lời tựa của truyện Thúy-Kiều, một đoạn lý-luận tuy rất ngắn-ngủi, nhưng cũng cho thấy rõ những khía-cạnh tâm-lý, triết-lý văn-chương và nỗi-niềm của Nguyễn-Du ký-thác.

2) Đầu đề này cần phải so-sánh hai cuộc đời : của Nguyễn-Du và của nàng Kiều, tìm những đoạn nào có liên-lạc với nhau, hòa-hợp tâm-sự với nhau.

DÀN BÀI

NHẬP-ĐỀ

Xưa nay, khi viết một tác-phẩm nào, thi-văn-nhân ít nhiều cũng trình-bày một vài u-uất của tâm-hồn mình. Bạch-cư-Dị viết Tỳ-Bà-Hành, Nguyễn-dinh-Chiều viết Lục-vân-Tiên, Nguyễn-huy-Hồ viết Mai-dinh mộng-ký, Nguyễn-huy-Tự viết Hoa-Tiên, Trần-tế-Xương viết Năng nhân bất năng hành... Thực-trạng xã-

hội không cho phép họ hành-động suy-tư theo đúng ý-vọng, thì tác-phẩm chính là nơi cõn - mớ những ần-ức của thi-nhân vậy.

Vì vậy sau khi nhìn chung cuộc đời của Tổ-Như và thân-thể của nàng Kiều, Trần-trọng-Kim đã quả-quyết rằng :

« Lấy truyện Kiều mà xét tâm-sự của Tổ-Như tiên-sinh, thì tưởng không lầm được » (T. T. K. trang XV).

THÂN BÀI :

1) Những quan-niệm chung :

Trừ ra một số người không thừa nhận dụng-tâm của Nguyễn-Du khi trình-bày lại cuộc đời cô gái đời Gia-Tĩnh triều Minh, còn phần đông các học-giả cổ-kim đều thừa-nhận Phạm-quý-Thích, người bạn đồng thời của Nguyễn-Du, cũng công nhận :

*Nhất phiến tài tình thiên cổ lục,
Tân-thanh đảo để vị thù thương.*

Nghĩa là :

*Một mảnh tài-tình, nghìn năm dấy lục,
Tiếng kêu đến thế, vì ai đau lòng.*

Sau đó, Mộng Liên-Đường chủ-nhân, Dương-quảng-Hàm, Phan-văn-Hùm, Đào-Vệ-Thạch cũng đều thấy rõ những tương-quan đó.

2) Truyện Tàu và truyện ta : Có người cho rằng : Vào năm 1813, khi đi sứ ở Trung-hoa, Nguyễn-Du đã lấy theo truyện phong-tình cổ-lục đề viết thành Đoạn-Trường Tân-Thanh. Đó là Ngu-sơ tân-chí, nàng Kiều-nhi vào lầu xanh hồi

còn nhỏ, vì có nhan-sắc và ngó đàn Ngô-Du rất hay, cho nên Long-Vân, một con người hào-hoa, giao-thiệp rộng cho tiền bà giả-mẫu chuộc ra khỏi lầu xanh. Sau Kiều gặp Từ-Hải, nhưng không lấy nhau. Đợi khi Từ bao vây dinh quan Nguyễn-Ngạc mới tôn Kiều lên làm đệ-nhất phu-nhân, cho tham-dự việc quân-cơ. Sau nghe lời Kiều và La-trung-Quân, Từ bị phục-binh của Hồ-tôn-Hiến giết chết, Kiều cũng chết theo chồng. Trong truyện của Thanh-Tâm tài-nhân có nhiều chi-tiết gần giống như Đoạn-trường tân-thanh, nhưng lối trình-bày tình-ý không nồng-nhiệt và phơi-bày cá-tính tác-giả như trong Đoạn-trường tân-thanh.

3) Nguyễn-Du và truyện nàng Kiều :

Thời còn đoàn-tự : Nguyễn-Du sau khi thi đỗ tam-trường (vào năm 1783) được ra nhậm chức chánh-thủ-hiệu hiệu-quân hùng-hậu tại Thái-Nguyên. Trong thời-gian này ta chưa thấy công-trình gì đáng kể của Nguyễn-Du với nhà Lê. Năm 1789, khi vua Lê-Chiêu-Thống chạy sang Tàu cùng bọn Lê-Quỳnh, Trần-Danh-Án... Nguyễn-Du định chạy theo phò-giá, nhưng không kịp, bèn trở về quê vợ (huyện Quỳnh-Côi) cùng Đoàn-Nguyễn-Tuấn khởi-nghĩa chống Tây-Sơn, nhưng việc không thành, bèn trở về sống lang-thang, đói rét tại vùng núi Hồng, sông Lam (Hà-Tĩnh).

Nàng Kiều cũng thế ; nàng sống trong cảnh gia-đình đoàn-tự quá nhanh-chóng, Chẳng bao lâu, gặp gia-biến, bằng bán tơ vu oan, cha và em bị giam, muốn có ba trăm lạng, nàng chỉ còn giải-pháp cuối cùng là bán mình chuộc cha.

Mặc-cảm phạm-tội (complexe de culpabilité) khi ra đi : Khi vua Gia-Long lên ngôi (1802) xuống chiếu trưng-triệu

những cựu-thần nhà Lê ra hợp-tác, trong số có Nguyễn-Du. Sau ba lần mời, cuối cùng Tổ-như tiên-sinh đành phải ra hợp-tác. Người đời chê cười là thiếu tinh-thần chuyên-nhất, không được như hàng Bá-Di, Thúc-Tề, thấy rau vi của núi Thú-Dương thì kêu là đắng, mà xuống núi ra ăn thóc của nhà Chu :

*Nhất đội Di, Tề hạ Thú-Dương,
Cộng ngôn : Vi khổ, bất kham-thường.*

Nghĩa là :

*Một toái Bá-Di, Thúc-Tề xuống núi Thú-Dương,
Cùng bảo nhau rằng : Rau vi đắng, không chịu được.*

Mới ngày nào, Nguyễn-Du còn ôm chí-khí trọng-dại :

*Nhất thiên phong-nguyệt giao tình tại,
Bách lý Hồng-sơn chính-khí đồng.
Nhân để phù-vân khai thế-sự,
Yêu giặc trường-kiếm, quả thu-phong.*

nghĩa là :

*Ta giao mỗi tình cùng một trời trăng gió,
Mỗi chính khí của ta theo trăm dặm núi Hồng,
Ta xem cuộc đời như máy nối, ở đây mất,
Trên lưng mang lưỡi kiếm dài, gánh cả
gió mùa thu.*

Phút chia-ly của nàng Kiều cũng thế. Nàng băng-khuông giữa hai vắn-đẽ :

Sao cho cốt-nhục vẹn-toàn,
 Trong khi ngộ biến, từng quyền biết sao,
 Duyên hội-ngộ, đức cù-lao,
 Bên tình, bên hiếu, bên nào nặng hơn ?

Sau cùng, nàng quyết định, gác tạm lời thệ-hải, minh-sơn để lo đến ơn sinh-thành. Tuy thế, trong tâm-can của nàng Kiều khi nào cũng tự thú là kẻ phạm-tội, là phụ tình. Trong mười năm trời lưu-lạc, không lúc nào nhớ nhà, nhớ cha mẹ, mà Kiều lại không xót-thương Kim-Trọng. Khi thì :

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
 Tin sương luống những rày trông, mai chờ.

Khi thì :

Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
 Xa-xối ai có thấu tình chẳng ai ?

Tinh-thần lưu-lạc: Trong khoảng 1802-1820, Nguyễn-Du giúp việc cho Gia-Long, trong mọi phạm-vi : chính-trị, văn-học, ngoại-giao... Tuy vậy, ông không khi nào tích-cực đem năng-lực ra giúp nước, tham-gia ý-kiến. Theo tài-liệu **Đại-Nam Chính-Biên Liệt-Truyện** thì nhà vua thường hay quở rằng : « Nhà nước dùng người, cứ ai hiền-tài thì dùng, không phân-biệt gì Nam với Bắc cả. Người đã làm đến chức á-khanh, biết việc gì phải nói để tỏ cái chức trách của mình, có lẽ đâu lại cứ rụt-rè sợ hãi, chỉ vâng vâng, dạ dạ hay sao ? (bản dịch của Trần-trọng-Kim) ông thường hay kiếm cớ trở về quê sống cuộc đời nhàn-hạ (1804, 1812, 1814)

Trong tập Cầm-Giả-Dẫn, nội-dung trình-bày một cô gái hát, trải qua bao nhiêu cuộc thay triều, đổi họ, nhưng vẫn giữ giọng hót véo-von của mình : rõ-ràng là tâm-tư sâu kín của con người cô trung kia vậy. Trong khi vịnh Khuất-Nguyên, vịnh Hạng-Võ, ông lại trình bày lòng cô-quạnh đó :

*Thiên cổ thù nhân lân độc-tĩnh,
Tức phương hà xứ thác cô-trung.*

Nàng Kiều : trong 15 năm lưu-lạc cũng thế : trải qua bao nhiêu thăng-trầm : thanh lâu hai lượt, thanh-y hai lần, gặp Thúc-Sinh rồi gặp Từ-Hải, không có mấy khi, nàng vui-thú, hả - hê :

*Mặc người mưa sở mấy lần,
Nhưng mình nào biết có xuân là gì.*

Trước sau Kiều chỉ hướng về Kim-Trọng cũng như Nguyễn-Du mỗi lần ngang qua thành Thăng-Long thì chạnh tưởng đến thời vàng-son của vua Lê vậy, Những cuộc truy-hoan :

« Biết bao bướm lả ong lơ, cuộc vui đầy tháng, trận cười suốt đêm... » sớm đưa Tống-Ngọc, tối tìm Tràng-Khanh... nàng chỉ hành-động hoàn-toàn theo bản-năng, nói cho đúng hơn, là theo trách-nhiệm trong hiện-tại bó-buộc thế ; kỳ thật trong thâm-tâm thì :

*Vui là vui gương kẻo là,
Ai tri-âm đó, mặn-mà với ai.*

— Nỗi lo-lắng triền-miên :

Trước khi chết, viết Độc-tiêu-thanh-ký, Nguyễn-Du còn e-ngại rằng : Không biết hơn ba trăm năm về sau ; trong thiên-hạ có ai khóc Nguyễn-Du không ? (Bất tri tam bách dư niên hậu, Thiên-hạ hà nhân khắp Tố Như), vì kỳ thật trong thời-kỳ giúp cho nhà Nguyễn, ông vẫn là một ngoan-dân. Chính-trị Tống-Nho của vua Gia-Long thi-hành quá chặt-chế khiến nho-sĩ một mực tin theo triều chính mới mà thôi, không có một phản-lực nào khác. Vua Lê-Chiêu-Thống chết tại Trung-hoa (năm gai nếm mật mấy năm thừa) không mang lại một dư-âm nào rồn-rập cả. Cho nên, lòng mặc-cảm của kẻ trí-thức như Nguyễn-Du chỉ là nỗi thắc-mắc của con người trước thời-gian và không gian như Trần-tử-Ngang vậy :

Tiền bất kiến cổ nhân,

Hậu bất tri lai giả,

Niệm thiên-địa chi du du...

Độc thương-nhiên nhi lệ hạ.

Còn nàng Kiều ? Nàng không tin ngày về, vì những hoàn-cảnh xô-dầy nàng khắc-khoải theo thời-gian, nghi-ngờ tương-lai, không chút hy-vọng :

Nợ tình chưa trả cho ai,

Khối tình mang xuống tuyền-đài chưa tan.

Hình như cái lý-thuyết hồng-nhan thẳng nhân đa bạc mệnh, mạc oán đông-phong, đương tự ta luôn luôn ám-ảnh trong tâm-trí, trong việc làm của nàng. Nàng cũng đã đem sức mạnh quật-cường để tranh-đấu với hoàn-cảnh sôi-nổi lắm, nhưng vẫn còn thấy yếu-đuối.

KẾT-LUẬN

« Những nỗi thất-vọng nhất là tiếng ca hay nhất (Les plus désespérés sont les chants les plus beaux Alfred de Musset), Nguyễn-Du viết nên thiên « Đại-Việt thiên-thu tuyệt-diệu từ » chính là nhờ những khắc-khoải trong thời-gian (1789-1820) sống qua bao nhiêu cuộc thay triều đổi họ, mà chính là nạn-nhân của cuộc tang-thương vậy.



ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ :

Giải-thích câu của Trần-trọng-Kim :

« Văn thơ là cái tinh-hoa của dân-tộc »
(Việt-Thi)

Dựa vào một thời-kỳ văn-học Việt-Nam để bàn-luận ý-tưởng trên.



Luận-đề

Giải-thích lời nói của Trần-trọng-Kim :

Học luân-lý để mở-mang cái lương-tâm cho sáng rõ, luyện-tập cái tính-tình cho tao-nhã, và cái chí-khí cho bền-chặt.

(trích trong Sơ-học Luân-lý)

PHẦN HƯỚNG-DẪN

1) Đây là thiên mở đầu trong cuốn Sơ-học luân-lý của Trần-trọng-Kim. Chính trong lời nói này, tác-giả báo-hiệu cho chúng ta biết trước sắp trình-bày những phần chính sau đây :

- Gia-tộc luân-lý
- Học-đường luân-lý
- Bản-thân luân-lý
- Xã-hội luân-lý

2) Trong toàn cuốn, cũng như bao nhiêu bài luận-thuyết khác về những vấn-đề luân-lý, Trần-trọng-Kim dựa vào triết-học Khổng-giáo (về phần hình-nhị hạ-học) để trình-giải. Trong khi giải-thích, chúng ta cũng phải theo đó để khai-thác và chứng-dẫn cho thích-hợp.

DÀN BÀI

NHẬP ĐỀ :

Trần-Trọng-Kim được huấn-luyện trọn trường sư - phạm, hấp - thụ tư-tưởng Khổng-Mạnh, đồng thời trong thời-gian chuyên-chú giáo-dục thiếu-nhi ông luôn luôn gây thành một nền-tảng sư-phạm có hệ-thống vững-chắc. Năm 1914, sau một thời-gian giáo-dục, ông trình-bày những điều giáo-huấn cần-thiết trong Sơ-học luân-lý. Lối giáo-dục này lấy tu-thân làm gốc. Vì vậy, ông minh-dịnh mục-dích khoa sư-phạm của mình là : « Học luân-lý để mở-mang cái lương-tâm cho sáng rõ, luyện-tập cái tính-tình cho tao-nhã, cái chí-khí cho bền-chặt ».

THÂN BÀI :

1) Mở-mang lương-tâm cho sáng rõ :

Theo định-nghĩa của Trần-Trọng-Kim thì Lương-tâm là lòng tự-nhiên của người ta để biết điều thiện điều ác, điều phải điều trái (Conscience morale). Trước một hành-động của mình, chúng ta cần phải xét-đoán kỹ-càng. Lương-tâm chính là vị quan-tòa vô-hình, chứng-kiến hành-vi đó. Nhưng các nhà luân-lý-học thường chia ra làm hai loại : lương-tâm quả-chắc và lương-tâm lăm-lạc. Lương-tâm quả-chắc dựa vào lẽ phải của luân-lý, của dư-luận quần-chúng qua thời-gian, không gian, trình-bày trong sử-sách. Những kinh-nghiệm trước, những điều giáo-huấn cho ta thấy chân-lý của vạn-vật. Chúng ta thường so sánh khi học-tập kinh-nghiệm người trước.

Những tài-liệu trình-bày trong sách-sử, những gương người xưa là tài-liệu cần-thiết, những kết-quả hái-lượm, chính là liều thuốc thức-tỉnh lương-tâm chúng ta vậy.

Ví-dụ : Trong khi đọc Luận-ngữ, Đại-học, Trung-Dung... của Khổng-tử, chúng ta thấy rõ giá-trị người quân-tử trong đạo Khổng, trong khi đọc tập Pensées của Marc Aurèle, của La Rochefoucauld... giá-trị đạo-đức, tu kỹ, tri nhân của bậc chính-nhân cho ta thấy rõ một chân trời mới lạ khi kiểm-điểm những giá-trị của mình, những khuyết-điểm đã mắc phải, những ưu-điểm đã thấu-hoạch được. Giúp-đỡ, giải-quyết những thắc-mắc, những khó-khăn, chính là nguồn an-ủi lớn-lao cho chính mình vậy.

Luyện-tập cái tính-tình cho tao-nhã :

Luân-lý-học còn giúp cho chúng ta lối đối-xử với kẻ khác nữa.

Giao-tiếp với mọi người trong xã-hội hằng ngày, chúng ta gặp không biết bao nhiêu tầng-lớp : từ hạng trí-thức cho đến hạng người sống cuộc đời nghèo-khò, chật-vật tinh-thần lẫn vật-chất, sĩ, nông, công, thương.

Khổng-tử nói : **Quân-tử hòa nhi bất đồng, tiểu-nhân đồng nhi bất hòa.**

Nghĩa là :

Quân-tử hòa với mọi người, mà không hòa về với ai,

Tiểu-nhân thì về hòa với mọi người, mà không hòa với ai.

(Luận-Ngữ — Tử-Lộ ; XIII)

Sự hòa-hợp với mọi người đòi-hỏi nhiều đức-tính hòa-nhã, thân-ái, không bao giờ đi ngược lại tâm-lý chung cả.

Lối luyện-lập tính-tình nay có nhiều cách khác nhau :

— Bỏ những xung-khí chứa-chất trong thâm-tâm từ trước, đã từng gây nên những kết-quả khốc-hại cho mình trong thời-gian qua.

— Học-tập những tánh-khí, những phương-pháp tu-luyện của con người, từng thấu-hoạch được nhiều lợi-lộc.

Ví dụ : **Đạo-Không** : nhẫn-nhục, tin theo thuyết thiên-mệnh (thượng bất oán thiên, hạ bất vuu nhân, cư dị, dĩ sĩ mệnh) (trên không oán trời, dưới không trách người sống cuộc đời giản-dị để chờ-đợi thiên-mệnh)

Đạo Phật: học tập được đức-tánh từ-bi, hỷ-xả.

Đạo Lão: Sống cuộc đời thanh-tĩnh, vô-vi.

Đạo Thiên-Chúa : Lòng vị-tha, thương-yêu mọi người như chính thương yêu bản-thân vậy.

Mặc-Tử : thuyết Kiêm-ái.

Thuyết khắc-kỷ : (Stoicisme) chịu-đựng muôn-nghìn nhẫn-nhục, hướng về tương-lai.

Chí-khí cho bền-chặt :

Mỗi khi chúng ta làm một việc gì cũng phải nhằm tới một mục-dích cao-cả, dù gặp bao nhiêu khó-khăn cũng phải vượt qua.

Sự luyện-tập chí-khí có nhiều phương-tiện hoàn-toàn khác nhau :

1) Tôn-trọng và ngợi-ca tương-lai :

Luôn luôn tìm đủ những khía-cạnh tốt-đẹp trong tương-lai của mình, nhìn những kết-quả tốt-đẹp mà mình nhất-định sẽ

giúp cho chúng ta bền tâm tin-tưởng. Nhờ đó mà chúng ta trau-dồi tương-lai không ngừng, lòng đam-mê quyết-liệt hơn bao giờ hết.

2) Tin vào luật tuần-hoàn :

Trong kinh nhà Phật có nêu rõ thập nhị nhân-duyên, lý luân-hồi, biệt-nghiệp, cộng-nghiệp, thân-nghiệp, khẩu-nghiệp, ý-nghiệp. Trong thuyết thiên-mệnh của Khổng-giáo cũng nêu rõ :

*Thiên chi sanh vật
Tài-giả bởi chi,
Khuyến-giả phúc chi.*

Nghĩa là :

*Trời sanh ra vạn-vật,
Người có tài sẽ được giúp-đỡ,
Người nghiêng-ngửa sẽ bị đập-đổ đi.*

Cứu-cánh nhờ vậy sẽ biện-minh cho phương-tiện của mình, sẽ giúp cho mình vượt qua tất cả những khó khăn ở đời, không chút do-dự.

Nguyễn-công-Trứ trong bài **nợ công danh** có nêu ra nhiều tư-tưởng sôi-nổi và thành-khẩn :

*Phú-quý tương dĩ hậu ngộ sinh,
Bần-tiện tương dĩ ngọc ngộ thành.*

Nghĩa là :

Giàu có, sang-trọng càng làm cho cuộc đời chúng ta thêm dài lâu.

Nghèo nàn, khó-khăn càng làm cho chúng ta trau-dồi chí-khí của mình. Lạc-quan-tính như thế thật vô cùng sôi-nổi, thành-khăn cho chúng ta.

Lối luyện chí-khí có muôn ngàn cách khác nhau, sách-sử đòi-hỏi chúng ta niềm tin-tưởng vô-biên, tinh-thần lạc-quan, óc phán-đoán thành-khăn, chân-xác. Ta có thể tìm trong những ví-dụ : Anh trò kiết chùa Long-Tuyền, gương lập nghiệp của Thomas Edison, Einstein, Tagore, Khuyển-dưỡng-Nghị, Lương-khai-Siêu... cùng bao nhiêu anh-hùng, chí-sĩ, nhân-tài khác nữa...

TINH-THẦN THỰC-NGHIỆM TRONG KHOA LUÂN-LÝ CỦA TRẦN-TRỌNG-KIM :

Trong tất cả những bài học luân-lý của Trần-trọng-Kim, ta luôn luôn thấy tinh-thần thực-tiến, chặt-chẽ. Ông áp-dụng tinh-thần khoa-học của Tây-Phương và kinh-nghiệm trong đường hướng của mình, dùng lời nói ôn-tồn, nhất là đức-tánh chân-thành, tha-thiết của người hướng-dẫn.

Chính trong Bài Tổng-kết cuốn Sơ-học Luân-lý, Trần-trọng-Kim đã nhắc-nhủ học-sinh rằng:

« Các anh phải học và phải tập, nghĩa là học cho biết những điều mình cần phải biết, và tập mà làm những điều mình cần phải làm, cho thành cái thói quen của mình, Hễ các anh biết được điều phải trái, và có thói quen làm những điều hay, điều lành, thì tất là sự giao-du của các anh đã tiến-bộ lắm... » (trang 168)

Trong nghề-nghiệp, ông từng đóng nhiều vai quan-trọng trong nền học-vấn nước nhà như nhậm-chức Thanh-tra Tiều-học, Giám-đốc các trường Nam Tiều-học, Trưởng-ban biên-

soạn sách giáo-khoa toàn quốc, vân vân... Đã thế, trong khi hành-nghề, ông vô cùng tận-tâm, nhất chí, đặt sứ-mệnh cao-cả của mình lên trên cả. Mỗi lời giảng-dạy, trong cử-chỉ, ngôn-ngữ, tác-phong ông đều gửi-gắm cái ý-chí của mình. Vì thế, trong lời phê-bình văn-học của các ông Nguyễn-Văn-Tổ, Lê-Thanh, Vũ-Ngọc-Phan, Dương-Quảng-Hàm... ai ai cũng đều thấy nhiệt-huyết đó trong văn-chương, nội-dung tác-phẩm mình.

KẾT LUẬN

Trần-trọng-Kim đặt vấn-đề luân-lý theo tinh-thần thiết-thực chân-thành, đi sát vào đời sống học-sinh, nhằm vào việc tu-thân làm gốc. Lớp thiếu-niên của thế-hệ mới, thường tiếp-xúc với những phong-trào tân-tiến thường xao-nhãng bồn-phận của mình. Ông minh-định lại cho đúng tinh-thần truyền thống của dân-tộc.

TIMSACH.COM.VN



ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI

Giải-thích lời của Trần-trọng-Kim :

Luân-Lý là một sự quan-trọng hơn cả, trong sự giáo-dục ở sơ-đẳng học-đường.

Ngày nay, câu nói ấy còn giá-trị với thế-hệ nhi-đồng học-tập không ?



— Luận-đề —

Trong khi bàn về văn-hóa Đông, Tây, Trần-trọng-Kim chủ-trương :

« Cố gây lấy cái sở-trường của mình, và lại học thêm cái sở-trường của người, thì chắc có thể dần dần gây nên cái tinh-thần tốt-đẹp mạnh - mẽ, đủ làm cho ta cũng cường-thịnh được ».

(trích trong Nho-Giáo ; cuốn I, trang XVII)

PHẦN HƯỚNG-DẪN

1) Trước khi trình-bày sâu-xa từng khía-cạnh của vấn-đề, công việc đầu tiên của chúng ta là định-nghĩa danh-từ văn-hóa. Theo nghĩa chữ Culture hay Kultur, thì văn-hóa có nghĩa là **sinh-hoạt**, nói chung tất cả những ngành hoạt-động chính-trị văn-học, kinh-tế, xã-hội tín-ngưỡng, giáo-dục, quân-sự...

2) Câu này rút trong lời nói đầu về tập Nho-giáo, mục-đích của tác-giả là minh-định giá-trị văn-hóa cò-truyền, tìm những ưu, khuyết-diểm để bổ-khuyết. Con người trong buổi giao thời này, cần phải có một thái-độ rõ-rệt để canh-tân văn-hóa.

Đáng chú-trọng nhất là hai chữ : Gây lấy và Học thêm

Gây lấy : thừa nhận cái cơ sở của mình, rất có giá-trị, chỉ cần khai-triển thêm.

Học thêm : thêm những phần phụ-khuyết.

DÀN BÀI

NHẬP ĐỀ :

Trong khi tiếp-xúc với nền văn-hóa Tây-phương, phần đông trí-thức không hiểu rõ bản-chất của nền học cổ-truyền cho nên có quan-niệm phê-bình nông-cạn và vội-vàng. Theo mới, đã rất mơ-hồ, bỏ cũ, không hiểu khuyết-diểm là gì. Con người đâm ra bơ-vơ, không nhận thức, không nhân-sinh.

Vì vậy, trong khi áp-dụng phương-pháp nghiên-cứu khoa-học trong công-việc phân-tách triết-học Nho-giáo. Trần-trọng-Kim đã viết : Cổ gây lấy cái sở-trường của mình... cũng cường-thịnh được (trích Nho-Giáo).

THẦN BÀI :

1.— Nguyên-nhôn trình-bày :

Sở-dĩ Trần-trọng-Kim có ý-kiến trên là vì ông thấy thành kiến của hạng người chối từ nền văn-hóa cũ, thuộc về ba hạng sau :

a) Hạng người thấy nền văn-hóa Tây-phương, tràn sang có tánh-chất hiếu-dộng hơn, tranh-dành hăng-hái hơn thì thích-thú, chồi dậy, đòi thoát-ly ra ngoài những khuôn-phép cổ-diền khắc-khe ngàn xưa.

b) Hạng người thiếu-niên, tánh-tình vồ-vập, không biết văn-hóa cũ hay, dở thế nào, thấy cha ông chê-bại cũng theo bản-năng quần-chúng lên án. Lại khi theo tân-học mau tiến-thủ hơn, làm nên danh phận hơn, cho nên khi nhìn đến « thập niên

đăng-hỏa » quá lâu-dài gò-bó, sinh ra bi-quan, vội đả-phá kịch-liệt.

c) **Nạn-nhân cũ** : Lại có hạng chịu đựng mãi trong những năm đèn sách quá ngặt-nghèo, thấy tân-trào, tân-học tân-văn thì vội-vàng nhảy theo thời-dại mới :

Nghe nói khoa sau sắp đổi thi,

...Ném bút lông đi, giắt bút chì ...

Vì vậy vấn-đề trước tiên cần phải phân-biệt **nhô-giáo** với **nền học-văn Tống-Nho**. Một đảng là **tinh-thần thuần-túy**; một đảng là lối thi-hành quá **lệch-lạc**.

2) Tệ-đoan của một số người theo mới vồ-vập :

Trong khi đó lại có hạng người vội-vàng bỏ tất cả những nền-tảng đề theo mới, nhưng kỳ thật, họ không tìm ra một lối thoát nào khả-dĩ làm khuôn-phép cho cuộc sống. Thành ra con người mất định-hướng, không biết tiến-thủ theo khuôn-thước nào cho thích-ứng với hoàn-cảnh được. Cái tinh-túy mấy nghìn năm của cha ông để lại không còn được bảo-vệ kiên-cố như trước nữa, không người hướng-dẫn cho đích-xác, cho nên càng ngày càng đi vào ngõ bí,

3) Căn-bản của nền văn-hoá cò-truyền :

Kỳ thật (theo nhận-dịnh của Trần-trọng-Kim) vốn chứa-chất những sở-doan và sở-trường của nó, không thể đem ra so-sánh hay hiểu giá-trị thấp-kém với nền văn-hoá Tây-phương.

Giá-trị nền văn-hoá Nho-giáo theo thiên-lý mà di-truyền Mục-đích là bảo-vệ tình-cảm của con người : theo nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, ưa chất-phác và thật giản-dị. Vì thế, cho nên người

Á-dông được cái đức-tính trầm-mặc, bình-tĩnh, luôn luôn thích sự yên-lặng, chỉ mong sao xây-dựng một cuộc đời hoà-bình, tránh xa những cuộc cạnh-tranh phiền-phức.

Con người theo văn-hoá Nho-giáo chỉ ước mong truyền-bá đạo-lý, lễ-nghĩa, thiên về phần tâm-linh chứ không năng về lý-trí xét-đoán về tinh thần khoa-học, thực-nghiệm như người Tây-phương. Con người theo Nho-giáo không đua-dòi theo hình-thức bề ngoài, nhưng vẫn bảo-vệ sinh-thú của mình bên trong.

Đây là một đức-tính, cần bảo-vệ, cần duy-trì, làm khuôn-khô cho cuộc sống.

GIÁ TRỊ CỦA NỀN VĂN-HÓA CŨ :

Trong khi đem so-sánh tư-tưởng của Khổng-Tử với các triết-gia đồng thời ở Tây-phương, Trần-trọng-Kim đã nêu ra những trọng-điểm tương-đồng sau đây :

a) Về phương-diện tư-tưởng biến-hóa.- Khổng-tử nhận-định vạn-vật biến-hóa không bao-giờ dừng nghỉ, hết cơn bí đến cơn thái, suốt ngày đêm (Thệ giả như tư phù, bầy xã tử dạ -LUẬN-NGŨ ; Tư-hán IX) ; lý-thuyết này tương-đương với tư-tưởng biến-dịch của Héraclite và môn-phái Ioniens ở tại Hy-lạp ngày trước vậy.

b) Về phương-diện thiên-mệnh : Quan-niệm của Khổng-tử về thuyết Thiên-Mệnh là một lý vô-hình bao-trùm tất cả hành-động của con người, (nhất âm nhất trắc, giai do tiền-định) ; con người vì vậy phải sống cuộc đời nhẫn-nhục, không oán, không trách người, sống giản-dị để chờ-đợi thiên-mệnh (thượng bất vuơ thiên, hạ bất oán nhân, cư dị, dĩ sĩ mệnh).

Thiên-mệnh còn hướng-dẫn con người về con đường, Thiên người có tài trời sẽ nâng-đỡ, người nghiên-ngừa, trời sẽ đáp-đỗ (thiên chi sanh vật, tài giả bồi chi, khuynh gia phúc chi),. Như thế cơ khác nào với lý-thuyết của Zénon d'Élée và môn-phái Eléates vào thế-kỷ thứ VI trước Tây-lịch vậy.

c) Về phương-diện thiên-địa vạn-vật nhất thể :
 Trong Kinh Dịch của Khổng-tử có bàn về sự đồng nhất của trời đất thiên-nhiên, vạn-vật. Người ta thường dùng những **vạch liền** và **những vạch đứt** để tính-toán sự biến-dịch và tính-chất vạn-vật. Điều này có thể so-sánh với thuyết của nhà số-học Pythagore và môn-phái Pythagoriciens về thiên-địa vạn-vật nhất thể (panthéisme) vậy.

d) Bàn về thuyết tu-thân : Trong sách Đại-học, Khổng-Tử nêu ra vấn-đề tu-thân làm căn-bản trong nhân-sinh. Có tu-thân mới tề-gia, mới trị-quốc, mới bình thiên-hạ. Trong xã-hội, từ chúa đến thứ-dân, ai ai cũng phải lấy Tu thân làm gốc (Tự thiên-tử dĩ chí ư thứ-dân, nhất thị giai dĩ tu-thân vi bản). Muốn sửa mình cho thành người có đức-hạnh, thì trước phải giữ **cái tâm của mình cho chính**, **cái ý của mình cho thành** ; rồi mới có thể cách vật, trí tri được. Nên đem so-sánh với Socrate, ta thấy có nhiều điểm tương-đồng : Socrate là người khởi-xướng ra cái đạo triết-học, nhân-sinh, lấy nhân-sự làm điều rất trọng-yếu, còn ngoài ra, tất cả đều là công việc của Trời. Người ta chỉ nên tìm lẽ chí-thiện trong đạo luân-ý, để làm chuẩn-dích cho hành-vi ở đời. Socrate cũng lấy sự biết mình làm bản-tính của mình (Connais-toi, toi-même).

ĐẶC-TÁNH CỦA NỀN VĂN-HÓA TÂY-PHƯƠNG :

Đồng thời, trong khi trình-bày những tánh-chất của nền văn-hóa cổ-truyền, Trần-trọng-Kim nói rõ những giá-trị độc-đáo Tây-phương :

Tinh-thần khoa-học : Từ thế-kỷ thứ 17 trở đi, càng ngày những tiến-bộ vượt bậc của nền khoa-học Tây-phương phát-triển không ngừng, những ngành học càng chi-ly, phức-tạp, phân-chia thành những khuynh-hướng khác nhau, nhiều bộ môn rất tế-nhị. Có người lại còn ôm hoài-vọng dùng khoa-học để giải-thích được tất cả nhân-sinh, vũ-trụ, nhận thức của mọi ngành. (Auguste Comte)

Tinh-thần duy-lý : Say mê theo tinh-thần khoa-học (scientisme) con người tin-tưởng vào cuộc thắng-trận của bộ óc xét đoán trong mọi phạm-vi. Những hiện-tượng và quan-niệm về siêu-hình càng ngày không thấy đề-cập đến, hay có chăng, là những phạm-vi chưa khám-phá được của con người, Lòng că-tin như thế giúp cho sự tiêu-hóa và óc tìm-tòi học-hỏi càng ngày càng phấn-khởi hơn, thích-thù hơn và tinh-vi hơn.

Sức cạnh-tranh sinh-tồn : Luật đào-thải hình như lúc nào khuyến-khích và thúc-đầy con người Tây-phương hoạt-động không ngừng, chăm lo bảo-vệ lấy giá-trị vững-chắc của mình. Luật tiến-hóa khiến họ luôn luôn bám-víu lấy thời-gian, không-gian, rời-ra không thể nào tồn-tại được. Cho nên, tìm-kiếm tranh-đấu vật-chất. Trước thời-đại mới, đó là nhu-cầu thiết-thực vậy.

TÍNH-CHẤT DUNG-HÒA :

Theo mới, quan-niệm của Trần-trọng-Kim là áp-dụng phương-pháp thích-ứng, đã không thể nào bỏ mất bản-chất trầm-lặng, đạo-đức, hướng-nội của con người Đông-phương, theo tinh-thần truyền-thống, mà lại còn dựa vào cơ-sở đó để phát-triển thêm giá-trị của mình cho thích-hợp vậy. Đạo-học phải làm

nền-tảng để phát-triển khoa-học, và khoa-học mà không lương-tâm chỉ làm bại-hoại linh-hồn (Science sans conscience n'est que ruine de l'âme) (Rabelais)

PHẦN KẾT LUẬN :

Nêu rõ mục-dích : Vấn-đề Trần-trọng-Kim nêu ra, cũng như mục-dích biên-soạn cuốn Nho-giáo của ông là : Đính-chính quan-niệm sai-lầm ngộ-nhận của một thanh-niên Việt-nam theo Tây-học mà không biết rõ tinh-túy Đông-phương đã vội phê-phán, đả-kích. Ông trình-bày cả một hệ-thống.



ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ :

1) Trình-bày lập-trường văn-học của Trần-trọng-Kim trong khi bình-luận về Đoàn-trường tân-thanh.

(xin xem đề-tài phê-bình và bài đọc thêm)

2) Bình-luận lời của Trần-trọng-Kim :

« Xem truyện Thúy-Kiều thì mới hiểu được cái tâm-sự và cái tài văn-chương bằng quốc âm của tiên-sinh ! »



Luận - đề

Giải-thích lời của Trần-trọng-Kim khi nhận-định về Nguyễn-Khuyến :

(. . .) Vì cảnh-ngộ trong nước, cho nên giọng văn của ông thường có vẻ chua-cay và ai-oán.

(Việt-thi, trang 52)

PHẦN HƯỚNG-DẪN

Dựa vào đầu đề, chúng ta thấy nổi bật những quan-điểm sau đây :

Nguyên-nhân : nhân cảnh nước mất, nhà tan, Nguyễn-Khuyến phát-khởi tư-tưởng tâm-sự trong thi-ca của mình.

Hành-văn : Giọng thơ trào-phúng chua-cay,

Tâm-sự : tha-thiết, ai-oán,

Thứ-tự đó kể cũng đã rõ-ràng chỉ cần trong khi trình-bày chúng ta tìm những mạch-lạc cần-thiết.

Còn về quan-điểm phê-bình của Trần-trọng-Kim :

Trong những tác-phẩm mà ông trình-bày về phương-diện văn-chương Việt-Nam, ta chưa từng thấy một trình-tự và

phương-pháp phân-tách cho có hệ-thống rõ-ràng. Vậy, chỉ cần dựa vào tài-liệu của Tam-nguyên Yên-dồ hơn là nhà phê-bình.

DÀN BÀI

NHẬP ĐỀ :

Trong các thi-nhân vào khoảng hậu-bán thế-kỷ thứ 19 ở Việt-Nam, Nguyễn Khuyến quả thật có một đường hướng, hướng về tinh-thần rất vững-chắc ông là ngọn đèn phụt cháy trước khi nền Hán-học chấm dứt. Cuộc đời, xã-hội và thi-ca của ông có nhiều tương quan chặt chẽ với nhau ; điều này khi nghiên-cứu ai cũng thấy rõ. Vì thế trong một đoạn tổng-luận, chính Lệ-thần Trần-trọng-Kim đã thừa-nhận :

(...) Vì cảnh-ngộ trong nước, cho nên giọng văn của ông thường có vẻ chua cay và ai-oán...

THÂN BÀI :

A) **Phân-tách nguyên-nhân :**
Có nhiều nguyên-nhân hệ-thuộc vào con người thơ Nguyễn-Khuyến :

Nguyên-nhân chính-trị. Người Pháp bành trướng thế lực sang Việt-Nam càng ngày càng hùng mạnh. Ngày 6-6-1884, hòa-ước Patenôtre ký-kết ; nước Việt-Nam hoàn-toàn rơi vào con đường nô-lệ.

Nguyên-nhân chiến-đấu đối-kháng ; Khi vua Hàm-Nghi cùng Tôn-thất-Thuyết chạy ra Quảng-trị và Quảng-bình, đứng ra đề-xướng phong trào Cần-vương, hai người bạn của Nguyễn-Khuyến là Nguyễn-Kham và Nguyễn-xuân-Ôn hưởng-ứng, nhưng thất bại và tuần tử. Nguyễn-Khuyến không muốn phản bội hàng ngũ, trở về vườn Bùi sống cuộc đời lạc đạo an bản.

Nguyên-nhân nho-sĩ phân-tán : Trong lúc bấy giờ, nhiều người bắt tay hợp-tác với tân-trào. Hoàng-cao-Khải, Lê-Hoan, Vũ-văn-Bảo là điển-hình. Nguyễn-Khuyến lìa xa họ, quyết kiên-trình.

B) Thi-ca trào-phúng :

Đại-cương : Ông trào-phúng kín-đáo và chua-cay. Rõ là thái-độ một bậc đạo-nhân quân-tử (như lời của D.Q.Hàm). Tất cả những hiện-trạng sụp-đổ chính-trị đều hiện ra trước mắt ông. Hai hạng người : quan-lại lớp mới và quan-lại lớp cũ.

Trào-phúng Lê-Hoan (tiêu - biểu cho hạng người theo Pháp, còn lợi-dụng tài-năng của ông, mong vinh thân, phì gia :

*Thằng bán tơ kia giờ-giới ra,
Làm cho bận đến cụ Viên già.
Muốn yên phải biện ba trăm lạng,
Khéo xếp nên liều một cánh thoa.
Đón khách, mượn màu son-phấn mụ,
Bán mình, chuộc lấy tội-tình cha.
Có tiền việc ấy mà xong nhử,
Ngày trước làm quan cũng thế a ?*

(Vương-Ông mắc oan)

Biệt-chú : Nhấn mạnh hai câu kết : tình-trạng sa-dọa của một tầng-lớp quan-lại.

Trào-phúng viên tri-huyện Thanh-Liêm : (tiêu-biểu cho hạng quan-lại lớp mới, ngoài miệng thường nói lên những lời ngon-ngọt, nhưng kỳ thật có nhiều mảnh-khoé xảo-trá :

*Chú huyện Thanh-Liêm khéo giở trò,
Bồ-tiên mà lại lấy văn Bồ.
Nghênh-ngang xe-ngựa nhờ oai bố,
Ngọng-ngheo văn-chương giở giọng Ngô.
Bồ chứa miệng dân chày bắt cày,
Tiên là ý chú muốn vôi xu.
Tư vàng sao chẳng luôn từ bạc,
Khôn-khéo thì roi nó phết cho.*

(Thờ Bồ Tiên)

Trào-phúng Chu-Mạnh-Trình :

Khi Chu-Mạnh-Trình làm án-sát Hà-Nam, có tặng Nguyễn-Khuyến một chậu sơn-trà. Bảy giờ, ông đã mù-lòa, mà sơn-trà vốn hữu sắc vô hương.

Nguyễn-Khuyến chê họ Chu quả là phường xỏ-lá :

*Có khách cho ta một chậu trà,
Đương say, ta chỉ biết rằng hoa.
Da mồi, tóc bạc, ta già nhĩ,
Áo tía, đai vàng, bác đấy a ?
Mưa nhỏ nhưng kinh phường xỏ lá,*

*Gió to luồng sợt lúc rơi già,
Xem hoa, ta chỉ xem bằng mũi,
Đếch thấy hơi hương một tiếng khà.*

(Tạ người cho sơn-trà)

Trào-phúng quan tri-phủ bị cướp đánh : (ngày trước, trong khi còn tại chức thường bắt nạt dân, đến khi về hưu, cướp đánh sảy da trán) :

*Tôi nghe kẻ cướp đến lên ông,
Nó lại lôi ông đến giữa đồng.
Cướp của, giết người quân tể nhĩ,
Xương gà, da cóc, có đau không ?
Bấy giờ trót đã sảy da trán,
Ngày trước đi đâu mắt mấy lông.*

c) Giọng văn ai oán : Ngoài giọng văn trào-phúng như ta thấy trình-bày ở trên, Nguyễn-Khuyến còn trình-bày chân-tình của mình đối với nước-nhà thời, cuộc. Thỉnh-thoảng trong bài văn trào phúng, ta lại thấy thoát ra những lời tha-thiết, chân-thành đó (nhất là trong đoạn kết luận của những bài thơ trào-phúng)

Ai-oán tình-cảnh nước nhà : Sau hòa ước Patenôtre, mỗi người đều nhìn rõ tham-trạng xâm-lăng, nhưng dần dà ngã theo nhiều khuynh-hướng nhiều nếp sống hoàn-toàn khác nhau. Ông mượn lời Đỗ-Vũ khi quay nhìn về nước cũ mà đau thương, ứa máu mắt :

Khắc-khoải sầu đưa giọng lừng-lơ ;
 Ấy hồn Thục-Đế thác bao giờ.
 Năm canh, máu chảy đêm hè vắng,
 Sáu khắc, hồn tan bóng nguyệt mờ.
 Có phải tiếc xuân mà đứng đợi,
 Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ.
 Ban đêm rùng-rã kêu ai đó,
 Dục khách giang-hồ dạ ngẩn-ngơ.

(Cuộc kêu cảm hứng)

Nhìn kẻ vong-quốc theo tân-trào nhục-nhã :
 Người Pháp sang, sau những lối thị-oai, hoạt-động về quân-sự
 còn đem theo nhiều kế-hoạch chính-trị, kinh-tế, thương-mại
 rất khôn-ngoaan để thu-hút mọi người. Đau-dớn thay là hạng
 người không nhận-thức, không nhân-sinh, chạy theo bã vinh-
 hoa, hào-nhoáng :

Kia hội thăng-bình tiếng pháo reo
 Bao nhiêu cờ-kéo, với đèn treo.
 Bà quan tênh-hếch xem đua trâu,
 Thằng bé lom-khom ghé hát chèo.
 Cây sức cây đu nhiều chị bám.
 Tham tiền, cột mỡ lắm anh leo.
 Khen ai khéo vẽ trò vui thể,
 Vui thể bao nhiêu, nhục bấy nhiêu.

(Hội Tây)

Rồi đến triều-đình vô-dụng, vô tài, bất lực :

Vua quan bấy giờ chẳng khác nào là những tên hề-hát, hoàn-toàn phụ-thuộc vào chính-sách cai-trị của người Pháp.

Nguyễn-Khuyến vẽ ra một khung-cảnh rất hấp-dẫn, trong đó hai vợ chồng người hát chèo mắng nhau, nhưng kỳ thật là sự suy-vong cùng-độ của nước nhà, trong triều, ngoài quận :

Khi người chồng lên mặt :

Rằng : ta thường làm quan to,

Sao người coi chẳng ra trò-trống chi.

Thì người vợ vạch mặt, chỉ tên cả một thế-hệ giả-dối :

Vua chèo còn chẳng ra gì,

Quan chèo đi nữa, khác chi thằng hề.

Văn quan, võ thần lúc bấy giờ chẳng khác gì là hai pho tượng đá đứng giữ cửa đền, tha-hồ cho mọi người tung-hoành phá-rối gì cũng mặc, có danh không thực :

Hai ông đứng đó đã bao lâu ?

Sung-sương chi mà chẳng bạc đầu.

Thế-cuộc đời là thế thế,

Thế mà dương mắt đứng trông nhau.

Đến lượt phủ-nhận cả giá-trị mình ;

Sau khi trở về vườn Bùi, sống cuộc đời lạc đạo an bản, Nguyễn-Khuyến thường hay gặp những hạng người theo pháp gièm-pha (Hoành-cai-Khai, Lê-Hoan, Vũ-văn-Báo). Cuộc

đời thật nhiều xáo-trộn. Vì thế, lắm khi ông bi-quan, e-ngại miệng thế mĩa-mai. Lòng mang nặng mặc-cảm phạm-tội :

*Cũng chẳng giàu, mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy, chẳng béo, chỉ lằng-nhàng.
Cờ đang giở cuộc không còn nước,
Bạc chữa thâu canh đã chạy làng.
Mở miệng nói ra gán bát sách,
Mềm môi chén mãi tit cung-thang.
Nghĩ mình lại gớm cho mình nhĩ,
Thế cũng bìa xanh, cũng bảng vàng.*

(Cảm Hứng)

Trước khi chết, ông còn làm bài thơ Trị-Mệnh, khuyên dạy con cháu xác-định lại cương-vị của mình, e-ngại hậu-thế hiểu lầm :

*Đề vào mấy chữ trong bia,
Rằng : Quan nhà Nguyễn kiêu về đã lâu.*

Và đề cao những giá-trị của triều Nguyễn :

*Cờ biền vua ban ngày trước,
Lúc đưa thầy, con rước đi đầu.*

(Trị Mệnh)

KẾT LUẬN

Nguyễn - Khuyến là nhà nho cuối mùa. Ông gặp lúc quốc phá gia vong, nhưng tinh thần vẫn luôn luôn trung-kiên, chuyên-nhất, cương-quyết bảo-vệ đến kỳ-cùng, với mọi người ông khắc-khe, nhìn tình-cảnh sa-đọa, ông than-oán. Tình - cảm và lý-trí phối-bày tùy trường-hợp.

ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI

Trong khi bàn về Ôn-nhu-Hầu, Trần-trọng-Kim viết :

Ông sinh vào thời loạn, vua chúa tranh nhau, thành ra, ông chán việc đời, cứ uống rượu ngâm thơ cho khuây-khỏa.

Giải-thích nguyên - nhân sáng-tác đã nêu ra đó.



TIMSACH.COM.VN

Luận-đề

Giải-thích lời phê-bình của Trần-trọng-Kim
về Trần-tế-Xương (1870-1907) :

**Ông có tài làm thơ quốc-âm, nhưng
phần nhiều là thơ khôi-hài và hay có
giọng khinh-bạc.**

(trích trong Việt-Thi trang 52)

PHẦN HƯỚNG-DẪN

1) Đây chỉ là đề-tài bình-luận về nhà thơ non Côi, sông
Vị mà thôi, xét riêng về địa-hạt hình-thức thi-ca và
trào-phúng.

Hình-thức thi-ca : nói chung hoàn-cảnh và thể-tài
sáng-tác.

Thi-ca trào-phúng : cần phải nêu rõ hai đặc-tính
khôi hài và khinh-bạc, nói một cách khác, hai loại hoạt-kê,
(tiêu-cực và phúng thích (úch-cực)).

2) Thăm-định lại lối phê-bình ấn-tượng và toàn-khối
như thế đã hoàn toàn chưa (có thể nhìn lối phê-bình của
Dương-quảng-Hàm để so-sánh).

DÀN BÀI TỔNG-QUÁT

Trần-tế-Xương nổi danh vào khoảng hậu-bán thế-kỷ thứ 19 nhờ lối thơ bình-dị, dễ-dàng hấp-dẫn mọi người, mà tinh-thần đối kháng, trào-phúng là một đề-tài dễ-dàng đi sâu vào cảm-quan của quần-chúng Việt-Nam. (1) Vì thế trong khi phê-bình một cách tổng-quát, toàn-diện Trần-trọng-Kim đã nêu ra câu tổng-luận như sau :

Ông. giọng khinh-bạc (Việt-thi)

THÂN BÀ :

A) Ông có tài làm thơ quốc-âm :

Ai cũng-nhận : Thơ của Trần-tế-Xương thoát-ly hoàn-toàn ra ngoài những khuôn-luật ước-lệ, của nền thi-ca bát-cổ, trắc-lệ ngày trước. Nhìn chung ta có thể nêu những tính chất sau đây :

Hơi thơ tự nhiên :

*Có đất nào như đất ấy không,
Phổ-phường tiếp giáp với bờ sông.
Nhà kia lối đạo con khinh bố,
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.
Keo cú người đần như cút sắt,
Tham-lam chuyên thỏ những hơi đồng.
Bắc, Nam hồi khắp bao nhiêu tỉnh,
Có đất nào như đất ấy không?*

(Đất Vị-Hoàng)

(1) Xin đọc thêm cuốn Luận-đề Trần-Tế-Xương của KIM-THÊM, do Bạt-Trẻ xuất-bản.

**Không vay mượn điển-cổ trong kho-tàng
văn-chương Trung-quốc :**

Ông nhìn thấy muôn ngàn khía-cạnh trọn đề-tài cho nên không mấy khi vay mượn tài-liệu cổ-diễn. Ví-dụ : trình-bày cảnh vong-quốc, ông không dùng những đề-tài : tiếng chim quốc, cái gia gia như Trần-Danh-Á, Bà Huyện Thanh-Quan thường dùng, mà chỉ dùng đề-tài sống-dộng, kêu-gọi, độc-dáo.

*Sóng kia rầy đã nên đồng,
Chồ làm nhà cửa, chồ trồng ngô-khoai.
Đêm nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò.*

(Lấp sông Nam-Định)

Hay tâm-trạng người vong-quốc thì :

*Một mình đứng giữa khoảng chợ-vờ,
Có gặp ai không để đợi chờ.
Nước biếc non xanh, coi vắng-vẻ.
Kẻ đi, người lại dằng bơ-vờ,
Hỏi người chỉ thấy non xanh ngắt,
Đợi nước càng thêm tóc bạc phơ.
Đường đất xa khơi, ai mách-bảo,
Biết đâu mà ngóng đến bao giờ.*

(Lạc-Đường)

Biệt chú : Chúng ta có thể so-sánh với lối thơ hoài-niệm nước nhà của Nguyễn-Du trong bài **Cầm-giã dẫn**

2. - Lối thơ khôi-hài :

Trần-tế-Xương sống trong thời-kỳ quốc phá gia vong. Nhiều tình-trạng biến-chuyển xảy ra. Nho-học càng ngày càng tàn-tạ, nho-sĩ theo tân trào vô-vập đua đòi theo văn-minh cơ-giới. Nhiều biến-chuyển trên trường chính-trị. Chính ngay trong hương-đàng, trong tôn-giáo, trong luân-thường đạo-lý gia-đình cũng gặp nhiều đồ nát.

Giọng thơ khôi hài thể-hiện trong khí vạch mặt chỉ tên từng hạng người, với muôn ngàn tật xấu lúc giao-thời :

Khôi-hài những người thi đồ :

Cử-nhân cậu ấm Kỷ,

Tú-tài con Đô Mỹ.

Thi thể mà cũng thi,

Ới khi ới là khi !

Hay :

Hay đưa tranh nhau cái thủ-khoa,

Đưa khen văn hoạt, đưa văn già.

Phen này đồ rất phùng hay chữ,

Kìa bác Lê kìa cũng thứ ba.

Có khi thật linh-dộng biết mấy :

Thứ năm quan Cử ấy là ai,

Học trò quan Đốc Tả-thanh-oai.

Nghe tin cụ Cố cười ha-hả,

Vứt cả dao cầu xuống ruộng khoai.

Thứ năm quan Cử ai làm nổi,

Học-trò quan Đốc ở Hà-nội.

Nghe tin cụ Cố cười khi khi,

Đổ cả rêu cua xuống vũng lội.

(Chế người thi đồ)

Khôi-hài các quan giám-khảo

Các hạng giám-khảo trường Nam-Định bấy giờ như Cao-xuân-Dục, Phó-Huy-Nhu toàn là hạng người không đủ năng-lực. Cao-xuân-Dục nguyên trước làm quan thượng-thư (thượng Cao), về sau làm Tổng-đốc Sơn, Hưng, Tuyên ; khi đến làm giám-khảo tại trường Nam, thì vừa phong-trào Kỳ-Đồng nổi dậy, lo-sợ cuống-cuồng ; phàm ai ca-tụng mình là kẻ nhân-hậu thì cho đổ đầu.

Còn Phó-Huy-Nhu, nguyên trước thi đỗ Cử-nhân, trở về quê nhà làm nghề bốc thuốc, nhà vua tạm mời ra làm quan Sơ-khảo trường Nam-định. Thật xứng-đáng điển-hình cho hạng quan-lại trường-ốc mục-nát :

*Nầy nầy hương-thí đỗ khoa nào,
Nhân-hậu thay, lòng đức Thượng Cao,
Người ta thi chữ, ông thi phúc,
Dù dỡ, dù hay ông cũng vào.*

(Ông Thượng Cao)

*Sơ-khảo trường Nam có cử Nhu,
Thật là vừa dốt, lại vừa ngu.
Văn-chương nào phải là ách thuốc,
Chớ có khuyên xằng, chết bỏ bu.*

(Ông Cử-Nhu)

Họ thật không xứng-đáng địa-vị chút nào, vua thiếu hiền-tài thì đưa vào nhậm chức tạm thời.

*Thanh ép ông vào giữ việc thi,
Đem ngày coi-sóc chốn trường quy.*

*Chẳng hay gian-dối vì đâu vậy,
Bá ngọc thằng ông biết chữ gì.*

(Bốn quan giám-khảo)

Giọng khinh-bạc của Tú-Xương :

Loại thơ trên chỉ nhìn thoáng qua những lỗi-lầm bề ngoài, loại thơ đi sâu vào các góc-cạnh trào-phúng, tìm ngay nguyên-nhân, so-sánh với nhân-quần xã-hội.

Với hạng người đua-đòi :

*Vào rừng không biết lối ra,
Thấy cây núc-nác tưởng là vàng tâm.*



*Hỡi kẻ ôm cây, tờ bảo thắm,
Da vàng, nhưng ruột nó thì thắm.
Tìm hươu chẳng thấy cha thằng quáng,
Xấu hổ, khôn che mẹ cái làm.*

(Núc-nác tưởng vàng tâm)

Biệt-chú :

Bài thơ có màu sắc một bài thơ ngụ-ngôn kiểu La Fontaine hay Nguyễn-Trọng-Thuật. Loại thơ dưới đây trình-bày cả một tệ-doan của xã-hội. Con người muôn nơi và muôn thuở đều cùng chung bệnh-thái đó cả.

Khinh bạc giá-trị con người :

Thật ra theo Tú-Xương, những lối tán-dương ở đời cũng cần nên minh-dịnh lại cho xứng đáng giá-trị của nó. Ông

quan-niệm : nếu con người tự nhận là thua kém về văn-chương chính đây là kẻ khôn ngoan, còn khoe-khoang là lịch-lãm trong nghề cờ-bạc, chính là ngu-dại vậy. Cho nên phải tô-bồi tinh-thần, xa-lìa sự ganh-đua bả vật-chất ti-tiện. Đến đây, ta có cảm-tưởng một Molilière, một Lỗ-Tấn trong buổi giao-thời xã-hội Pháp hay Trung-hoa :

*Thế sự đua nhau nói đại khôn,
Biết ai là đại, biết ai khôn.
Khôn nghe cờ bạc là khôn đại,
Đại chốn văn-chương ấy đại khôn.
Nhưng kẻ nên khôn đều có đại,
Làm người có đại mới nên khôn.
Cái khôn ai cũng khôn là thế,
Mới biết trần-gian kẻ đại khôn.*

(Đại Khôn)

Có khi giòng thơ trong-sáng và cương-quyết :
*Có khó, có khôn thì có của,
Càng giàu, càng trẻ lại càng xinh.
Xuống tay, lên mặt vênh-vang nhĩ,
Chẳng biết rằng dơ-dáng đại hình.*

(Thế thái nhân-tình)

KẾT LUẬN :

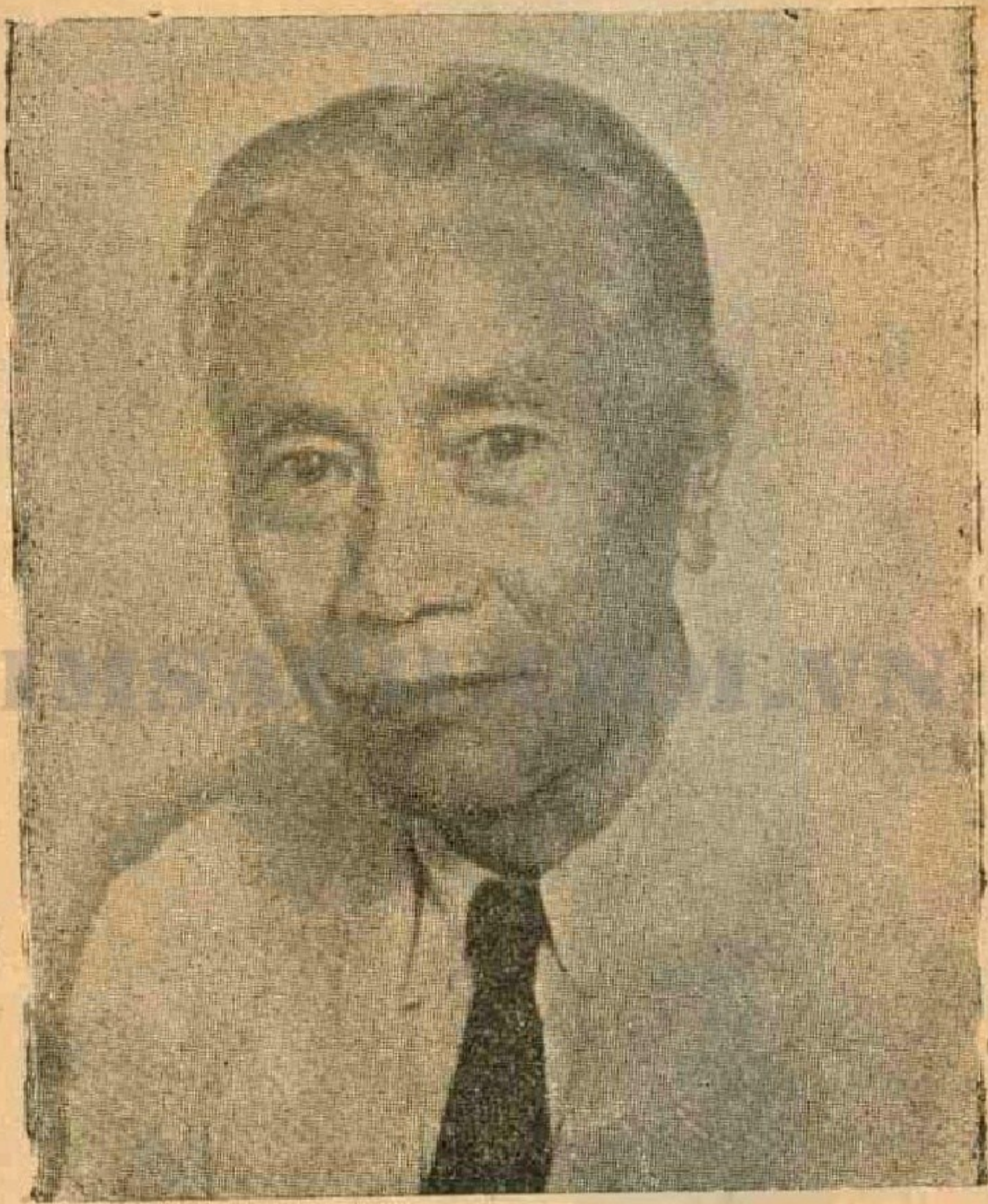
Trần-trọng-Kim nhìn tổng-quát trên hai khía cạnh : văn-chương và nội-dung, thi-ca trào-phúng (khôi-bài và khinh-bạc). Tuy nhiên, nếu nhìn rộng, theo hệ-thống tư-tưởng ở Tú-Xương ta còn thấy nhiều đặc-tính khác ; Lòng ái-quốc tiêu-cực, thi-ca thời-thế, huấn-hỗ (Năng-nhẫn bất nặng hành).

ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI

Nhận-định lời phê-bình của Trần-trọng-Kim khi trình-bày về Nguyễn-công-Trứ :

« Ông có tài chính-trị, giỏi về nghề dùng binh, làm quan văn mà lập được nhiều võ-công ».

(Việt-Thi)



Lệ - thần TRẦN TRỌNG KIM
(1882 - 1953)

PHẦN

TRÍCH - VĂN

GIẢNG - VĂN :

QUAN-NIỆM SỬ-HỌC

1) Phàm một dân-tộc nào đã có đủ cơ-quan và thề-lệ làm cho một nước độc-lập thì cũng có sử cả. Nước Việt ta khởi đầu có sử từ đời nhà Trần, vào quãng thế-kỷ thứ 13. Từ đó trở đi, nhà nào lên làm vua cũng trọng sự làm sử.

2) Nhưng cái lối làm sử của ta theo lối biên-niên của Tàu, nghĩa là năm nào, tháng nào có chuyện gì quan-trọng, thì nhà làm sử chép vào sách. Mà chép một cách rất vắn-tắt cốt để ghi lấy chuyện ấy mà thôi, chứ không giải-thích cái gốc-ngọn và sự liên-quan việc ấy với việc khác là thế nào. Nhà làm sử lại là người làm quan, vua sai coi việc chép sử cho nên dẫu thế nào việc chép sử cũng không được tự-do, thường có ý thiên-vị về nhà vua, thành ra trong sử chỉ chép những việc quan-hệ đến sự tiến-hoá của nhân-dân trong nước. Vả, xưa nay ta vẫn chịu quyền chuyên-chế, dẫu cho việc nhà vua là việc trong nước. Cả nước chỉ cốt một họ làm vua, cho nên nhà làm sử cứ theo cái chủ-nghĩa ấy mà chép sử, thành ra sử đời nào cũng chỉ cốt nói chuyện vua đời ấy mà thôi. Bởi vậy, xem sử ta thật là tẻ, mà thường không ích lợi cho sự học-vấn là mấy

3) Sử của mình đã không hay, mà người mình lại không mấy người biết sử. Là vì cái cách học-tập của mình làm cho nước mình không có thể viết được sử nước mình. Bất kỳ lớn nhỏ, hễ ai cấp cuốn sách đi học, thì chỉ học sử Tàu chứ không học sử nước nhà. Rồi thơ phú văn-chương gì, cũng lấy diện-tích ở sử Tàu, chứ chuyện nước mình nhất-thiết không nói

đến. Người mình có ý lấy chuyện nước nhà làm nhỏ-mọn, không cần biết đến làm gì. Ấy cũng là vì xưa nay mình không có quốc-văn, chung thân chỉ có mượn tiếng người, chứ người mà học, việc gì cũng bị người ta cảm-hoá, chứ tự mình là không có cái gì là cái đặc-sắc, thành ra thật rõ như câu phương-ngôn : Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng.

4) Nhưng dầu thế nào mặc lòng, người ta đã có sử thì ta cũng có thể bởi đó mà biết được những sự đã qua trong nước, mà có thể bởi đó mà khảo-cứu được nhiều việc quan-hệ đến vận-mệnh nước mình, từ xưa đến nay xoay-vần ra sao được.

Hiềm vì sử nước ta thì làm bằng chữ nho cả, mà chữ nho thì từ rầy trở đi chắc là rồi mỗi ngày một kém đi. Hiện nay, số người đọc được chữ nho còn nhiều, mà trong nước không biết có mấy người biết chuyện nước nhà, huống chi mai sau này chữ nho bỏ đi, không được học nữa, thì sự khảo-cứu về những việc quan-hệ đến lịch-sử nước mình sẽ khó biết bao nhiêu.

(trích LỜI TỰA, cuốn Việt-Nam Sử-Lược)



VÌ SAO VĂN-HÓA CŨ SUY-TÀN ?

1. — Cái nguyên do sở dĩ tại làm sao mà người mình bỏ cái học cũ chóng như thế, là bởi nhiều lẽ, ta có thể phân-giải được như sau này :

2. — Nguyên từ xưa trong nước chỉ trọng nghề văn-học, lấy khoa-cử mà cất nhắc người lên làm quan làm tư. Khoa-cử

lại chỉ lấy Nho-giáo làm cốt, chứ không có cái học gì khác nữa. Trong thì công-nghệ không có thương-mại không ra gì, trừ cái nghề đi học để làm quan ra, thì chỉ có nghề canh-nông là cái thực-nghiệp của dân, Dân làm ruộng ở nhà quê, thường lại là người hèn-hạ, phải chịu sưu-thuế và việc vua, việc quan đầu tắt mặt tối không có quyền lợi gì. Vậy nên, ai là người có thiên tư hơi khá một chút, muốn được chút địa-vị tôn-quí trong xã hội thì chỉ có nghề đi học. Mà sự học của ta ngày trước tuy nói chuyên-trị các Kinh Truyện của thánh-hiền, nhưng kỳ thực chỉ mài-miết làm câu văn cho hay, nhớ chữ sách cho nhiều, và viết cho đủ lễ-lối để đi thi được đỗ. Khi đã đỗ rồi là người hiển-dật có danh-vọng trong làng trong nước. Vậy nên ai cũng đua nhau về việc. Đến nay, thời cuộc đã biến đổi, khoa thi bỏ đi rồi, sự học cũ không phải là cái cầu ở con đường sĩ-hoạn nữa, kinh truyện xếp lại một chỗ, mà đạo thánh-hiền cũng chẳng ai nhắc đến nữa. Đạo Nho kết-quả đến đó cơ-hồ sắp hết vậy,

3.— Song đó mới là cái thế-lực bề ngoài, còn về phần thâm-thúy ở trong, thì một dân chuyên làm nghề canh-nông như dân ta là chỉ vụ lấy sự hòa-bình, cốt làm thế nào cho ở trong nhà cha hiền, em thảo, anh nhường, em kính, ra ngoài với mọi người thì cần lấy lễ-nghĩa để sự giao-thiệp được êm ái hòa-nhã là đủ. Việt cư-xử làm ăn chỉ chú ở cách giản-dị, không muốn có điều gì khó khăn, miễn là được an-nhàn thì thôi. Ấy là cái thái-độ rất thích-hợp với cái tính cách hiếu-tính, không hiếu-dạng mà nhiều người mình. Việc chánh-trị cũng vậy, vua quan không ai muốn những sự phiền-phức, sợ làm nhiều dân. Phàm cử chỉ hành-động, cái gì cũng muốn thông-thả, ung-dung cho ra cái cảnh-tượng thái-bình, bởi thế

cho nên sự cần dùng rất ích, mà sự tiến hóa cũng không có gì, chỉ cần theo cái luân-lý của nho giáo, đề giữ lấy cái hiếu nghĩa, trung-tín, cốt cho xã-hội được yên-trị thì thôi. Nay cái phong trào tân học mạnh lên, người ta ai cũng tranh khôn tranh khéo, đề giữ lấy cái quyền lợi, chứ không chuộng những điều đạo-đức, nhân nghĩa cho lắm. Người mình trông thấy thế, tưởng rằng giữ cái thái độ cũ không, phải theo thời mà biến-đổi, cho cái văn-hóa cũ là dở, muốn trừ bỏ đi, đem cái văn-hóa mới cho kịp người ta. Cái văn-hóa cũ của ta nhân thế mà mai một chóng đi mấy phần vậy.

4. — Trong khi thân-sĩ trong nước háo-hức muốn bỏ cũ theo mới như thế, bọn thiếu-niên tân học, phần thì lấy những phụ-huynh chê-bại cái học cũ của mình, phần thì không biết rõ tinh-thần cái học ấy hay dở thế nào, chỉ thấy lắm điều câu-phức khó chịu, lại càng đem lòng khinh-bĩ cái văn-hoá cũ hơn nữa, cho là hủ-bại không thích-hợp với cảnh-ngộ đương thời. Lại gia dĩ bọn ấy khí-huyết đang hăng, đang thích những sự tự-do, bình-đẳng v.v... và lại đang theo lối tân-học, trí-thức rộng hơn gấp mấy phần những người cựu-học, cho nên không ai ngờ có cái hay, cái tốt của sự học cũ ngày trước mà đoái-hoài đến nữa. Bọn thiếu-niên ấy ai đi học đã thành-đạt rồi, đều chiếm được cái địa-vị, dẫu thế nào mặc lòng, cũng đủ làm cho dân-chúng quý-trọng. Bởi vậy, cho nên người trong nước ai có con em cũng cố cho theo đòi chút tân-học, đề hòng đường lập nên danh-phận, Đã hay rằng cách sinh-nhai ở đời không thể không được, nhưng đó cũng là một cái căn-do làm cho chóng mất cái văn-hoá cũ vậy.



THƠ NÔM

1.— Phàm một nước đã có văn-học là có văn thơ. Văn thơ là cái tinh-hoa của một dân-tộc, đã tiến lên đến cái trình-độ đã cao về đường văn-hóa. Có văn-thơ thì tiếng nói của người ta mỗi ngày một đẹp đẽ và dồi-dào thêm ra, tính tình và tư-tưởng của người ta mới biểu-lộ ra một cách tao-nhã và thanh-kỳ. Bởi vậy cho nên những đời thịnh-trị bao giờ cũng quý văn-thơ.

2.— Có người nói văn thơ là một thứ nghệ-thuật vô-ích về đường thực-tế. Có ích hay không là ở sự người ta biết dùng hay không biết dùng. Lấy lời văn hay mà truyền-bá những tư-tưởng mới đẹp và những việc trong sạch ngay chính để sửa-chữa những nét xấu-xa mà mở rộng cái trí biết của người ta, làm những điều gian-ác, lừa dối, thì không những là vô-ích, mà lại còn hại biết bao nhiêu.

3.— Vậy, lợi hay hại, là ở sự dùng phải hay trái, chứ không phải ở văn thơ. Trái lại, ta nên xem văn-thơ như một bảo vật và nên trau dồi cho được toàn-hào, toàn-mỹ. Đó là một sự nhu-yếu trong sự học tương-lai.

4.— Xưa kia, ta chỉ học chữ, không ai học nôm. Nôm là tiếng nói thông thường của người nước ta, chữ là lối viết chung cho những người đồng văn như nước Tàu và nước ta, chỉ có người đi học mới biết chữ. Người đi học lấy đạo Nho làm cốt, cho nên gọi thứ chữ ấy là chữ nho. Đời xưa, người đi học chỉ tập làm văn-bằng chữ nho, chứ không tập văn nôm. Tuy nhiên, người ta đã có tiếng nói riêng, thì thế nào cũng có khi cao-húng mà thốt ra những bài thơ bằng tiếng nôm. Vì vậy, từ cuối đời Trần về sau, cái trình độ văn-học của tiếng ta

đã lên cao. có nhiều người dùng quốc-âm làm những bài văn, bài thơ rất có giá-trị.

5.— Tiếng nô-m ta và chữ nho đều là tiếng đơn-âm, cho nên ai đi học đã làm được thơ chữ, thì cũng làm được thơ nô-m. Thơ nô-m của ta, trừ hai lối thơ riêng là thơ lục-bát và thơ song-thất lục-bát, còn là theo qui-tắc thơ chữ mà làm, như thơ cổ phong, thơ luật hay thơ tuyệt-cú v.v... Có nhiều bài thơ nô-m rất tài-tình và có ý nghĩa chẳng kém gì thơ chữ nho.

Ấy đủ rõ là tiếng ta không nghèo-hèn và có thể có cái tương lai rực-rỡ vậy.

(trích)Việt-th — Tân Việt Xuất bản—Lời Tựa, trang VI)

TIMSACH.COM.VN



LUÂN-LÝ TRUYỆN KIỀU

1.— Quyền truyện Kiều... có phải là sách trái luân-lý như có nhiều người đã thường nói không?... Như ý tôi, thì truyện Kiều bày tỏ một cách rất rõ ràng cái lý-thuyết nhân-quả nhà Phật. Quyền sách ấy lại làm cho người nào xem, mà hiểu rõ cái tâm-tình của người đóng vai chính trong truyện, thì ai cũng động lòng thương. Thương cái số kiếp con người ta chìm nổi ở chỗ mờ-tối, vì mê-muội mà gây ra cái ác-nghiệt cho mình. Thương con người khôn-ngoa, hiếu nghĩa mà cứ phải những bước gian-truân.

Cái lòng thương ấy làm nảy ra cái lòng từ-bi, bác-ái, muốn làm điều lành, điều phải, muốn cứu người trong lúc hoạn-nạn. Muốn cuốn sách có cái ảnh-hưởng hay như thế, có phải là sách nhằm trái với luân-lý không ? Hay là vì có chuyện người con gái đi nói chuyện với tình-nhân, vì có chuyện nói đến chỗ thanh-lâu mà bị búa-riệu của nhà mô-phạm và cho là sách không nên xem ?

2 — Dạy luân-lý có được phép đem cái xấu, cái bần, bày tỏ ra, để người ta trông thấy mà tránh, hay là chỉ được phép dùng cách khô-khan, vô-vị, nói những câu phải làm như thế này, thế nọ mà thôi ? Tôi tưởng dạy luân-lý không làm gì bằng cách làm cho xúc-dộng cái tâm, cái trí của người ta, khiến cho người ta nhận đó mà nghĩ ra việc làm điều lành, điều phải. Huống chi xem truyện Kiều, ta lại có cái kính-trọng một người đàn-bà yếu-đuối biết lấy cái tâm minh-bạch, từ-mẫn, mà chống chọi với bao nhiêu những sự độc-ác, dơ-bẩn, nó cứ cố làm cho mình chìm đắm đi.

Nhờ có cái tâm ấy mà đứng vững được ở chỗ phong-ba, đầy những ma-quỉ ; nhờ có cái tâm ấy mà cái nhân-cách của con người ta mới thành ra tôn-quí, rõ-rệt.

Vũ-trụ xoay-vàn, vạn-vật biến-đổi, cái hình-hài của người ta cũng phải theo cái công-lệ ấy. Nhưng người ta mà biết giữ cái tâm để làm chỗ căn-cứ, để đối đầu với sự vô-thường của vạn-vật, thì có phải là cái tâm của ta quý hơn cả vạn-vật và lên trên cả vạn-vật không ?

Tài với tình tự nó vẫn có cái giá-trị, nhưng nếu không có cái tâm để làm chỗ nương-tựa, thì tài với tình thường hay làm cho ta xiêu đồ. Tôi tưởng chỗ ấy là chỗ tác-giả rất

lấy làm chú-ý, cho nên mới kết-thúc truyện Kiều bằng hai câu thơ :

*Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*

— Lý-thuyết Phật học trong truyện Kiều —
(*Khai-trí Tiến-Đức tập-san. Năm 1941*)



LUẬN - LÝ CỦA ĐẠO LÃO

1. — Lòng người ta bao giờ cũng phải không không, việc gì cũng không lấy làm thiết, chỉ nhất tâm giữ lấy được tính, như thế có thể gần với Đạo được. Thường có bỏ hết được cái lòng ham-muốn, thì mới biết được những cái huyền-diệu của Đạo, chứ hề còn lòng ham-muốn thì chỉ biết được ngọn mà không biết đến gốc, chỉ biết được những cái kết-quả ở đời, mà không biết được đến nguyên-nhân sâu-xa của muôn vật. (Thương vô dục dĩ quan kỳ-diệu, thường hữu dục dĩ quan kỳ trưng) Nếu chỉ biết được những cái ngọn mà thôi, thì cái biết của mình có ích gì đâu. Vì những sắc mà mắt mình trông thấy, những tiếng mà tai mình nghe thấy, những vị mà miệng mình nếm thấy, sự vui mừng, sự ao-ước, lòng tham danh-lợi . . . đều là loạn cái tinh-thần của mình. Vì thế nên thánh-nhân chỉ lo cái bụng cho no mà thôi, chứ không nghĩ đến những cái ảo-hình ảo-tượng làm gì.

2.— Vả lại, chịu khó-nhọc làm công nọ, việc kia, để hao thần tổn trí để làm gì ? Có việc gì là việc không được lâu-dài không ? Cơn gió to cũng không thổi luôn được buổi sáng, trận mưa lớn cũng không suốt được cả ngày, mưa gió là việc của trời-đất, mà trời-đất còn không làm việc gì được lâu dài, huống chi người ta muốn làm việc lâu-dài làm sao được ? Vả « vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị, đại tiều, đa thiều, báo oán dĩ đức ! », thánh-nhân chỉ nên làm những việc không nên làm, lo những việc không lo, thích những việc không thích, lớn nhỏ nhiều ít cũng cho như nhau, không lấy làm hơn kém gì cả, đối với người thì lấy đức mà báo oán, nghĩa là người ta làm điều ác cho mình, thì mình làm điều ác mà báo cho người ta, chứ không đem lòng thù-oán ai. Ta phải biết rằng : « Thiều tắc đắc, đa tắc hoặc, thị dĩ thánh-nhân báo nhất vi thiên-hạ thức ». Hễ người ta chỉ lưu tâm vào ít thì được, muốn nhiều thì hỏng, cho nên thánh-nhân chỉ cốt lấy một việc là chăm về Đạo mà thôi, nghĩa là giữ yên-tĩnh trong sự vô vi, để làm gương cho thiên-hạ, thế là đắc đạo . . .

3.— Làm người ở đời thì bao giờ cũng nên giữ lấy ba điều làm quý : Nhất nhật từ, nhị nhật kiệm, tam nhật bất cảm, thị thiên-hạ tiên. Một là từ tức là lòng nhân-ái, hai là kiệm, tức là giản-dị, không xa-xỉ, ba là không dám tranh hơn ai, tức là lòng khiêm-nhượng. Có ba điều ấy, thì không có đánh nhau, giết nhau, không hoang-phí, không tham danh tham lợi, ai cũng như thế cả, thì việc gì mà không thái-bình yên trị.

Vả chẳng, cạnh-tranh mà làm gì, danh-lợi mà làm gì, chẳng qua ai thì cũng cầu lấy sự an-nhàn sung-sướng mà thôi. Mà cái đó mình có thể tự mình tìm thấy được. Hễ mình biết tri-túc thì không việc gì mà phải bị những sự lâm-lụy khổ-sở.

Đã tri-túc là đã giàu rồi (tri-túc giả-phú) cần gì nữa phải vất-vả khó-nhọc, đề cho lụy đến thân...

Tóm lại mà xét, cái luân-lý của Lão-tử là cốt lấy thanh-tĩnh, vô vi, cái gì cũng đề theo lẽ tự-nhiên, không có phiền-phức điều gì cả, làm người ở đời được như thế nào thì hay thế ấy tự lấy thế làm sung-sướng, không tham danh, tham lợi. Đối với người thì không nên kết thù, kết oán, cốt lấy lòng tự-ái mà giao-thiệp với nhau. Bất kỳ việc gì cũng phải lấy ơn mà trả thù. Cho cái việc đời là một cuộc tuần-hoàn xoay đi chuyển lại, dẫu dẫu rồi trở về cái nguyên-lý độc-nhất, tức là Đạo.

Sự sống, sự chết cũng do cái lệ tuần-hoàn mà ra, không nên quan tâm làm gì, cứ nên ung-dung tự-tiện, đề mặc cho tạo-hoá theo luật tự-nhiên mà biến-đổi.

4) Cái luân-lý ấy có phần rất thanh-nhã, cao-thượng, nhưng chỉ phải một điều nó khiến người ta không thiết đến cái gì cả, nó hủy mất cả cái nghị-lực và sự cố-gắng của giống người, là hai cái yếu điểm cho sự tiến-hoá của nhân-quần xã-hội.

— Đạo-Giáo Đạo Lão Tử —
(*Nam-Phong tạp-chí*, số 67 Janvier 1923)



SỰ SAI-KHÁC GIỮA TINH-THẦN NHO GIÁO VÀ TINH-THẦN TÂY-HỌC

1.— Mỗi một dân-tộc có một tinh-thần riêng, cũng như mỗi cây có cội rễ ăn sâu xa xuống dưới mặt đất. Hễ cây nào cội rễ tốt, hút được nhiều khí-chất thì cành lá rườm-rà, cây

nào còi-rẻ xấu hút không đủ khí-chất để nuôi các phần thân-thể thì tất là cành-lá còi-cọc đi. Cái tinh-thần của một dân-tộc cũng vậy, gây thành từ đời nào không thể biết được, lưu-truyền mãi mãi mới thành ra cái kết-quả ngày nay. Dân-tộc nào cường-thịnh là vì đã biết giữ cái tinh-thần của mình được tươi tốt luôn, dân-tộc nào đã suy-nhược vì đã để cái tinh-thần hư-hỏng đi, không biết tìm cách mà nuôi nó lên. Nay ta muốn biết tại làm sao mà Tây-phương phú cường, phương Đông suy-nhược, thì tưởng ta phải biết rõ cái tinh-thần Nho-giáo và cái tinh-thần Tây-học khác nhau thế nào.

2.— Văn-hóa của Nho-giáo chỉ ở sự theo thiện-ý mà lưu-hành, cốt giữ cái tình-cảm cho hậu, trọng giữa những điều đạo-dức, nhân-nghĩa, ưa cái tính chất-phác và những việc giản-dị. Bởi thế, cho nên cái tính-chất người mình hay trì-thú, thích sự yên lặng, chỉ vụ lấy được hòa-bình mà sinh-hoạt ở đời. Cái văn-hóa ấy rất thích-hợp với cái tính-tình của những dân-tộc chuyên nghề canh nông như dân-tộc ta.

Văn-hóa phương Tây chủ ở sự theo nhân-dục mà hành-dộng, cốt lấy sự mở-mang dân-trí làm trọng, dùng lý-trí mà suy-xét mọi điều, để tìm cách ngăn-ngừa những cái thế-lực tự-nhiên, lập thành một cuộc sanh-hoạt rất hùng-cường. Bởi vì vậy, các môn khoa-học rất thịnh-hành, nhân-dân chuộng những điều trí-xảo, số người tài-giỏi khôn ngoan, mà ai cũng muốn sự hoạt-dộng mạnh-mẽ. Cái văn-hóa ấy thích-hợp với những dân-tộc chuyên về việc công-nghệ và việc thương-mãi.

Văn-hóa của Nho-giáo thì có thể làm cho đời người tuy không được rực-rỡ chói-lọi cho lắm, nhưng thường làm cho người ta có cái sinh-thú rất hay. Văn-hóa phương Tây thì làm

thành cuộc đời rất mỹ-lệ, tài-trí đều mở-mang, cái gì cũng theo quy-cũ xếp-đặt thành ra cơ-thể chắc-chắn, vững-vàng. Nhưng cũng vì thế mà sự cần dùng càng ngày càng thêm ra, sự cạnh-trach rất kịch-liệt, sự sanh-hoạt có lắm điều phiền-phức, nhân-sinh hình như lúc nào cũng chật-vật, vất-vả, không mấy khi trong bụng được nhàn-hạ, thư-thái.

3. — Hai văn-hóa ấy thật là tương-phản với nhau, và bên nào cũng có cái sở-trường và cái sở-doan cả. Nhưng cái gốc thịnh-suy là bởi cái lối theo khác nhau. Người mình xưa kia coi biết tri-thủ một mặt đạo-đức mà không nghĩ đến sự tiến-thủ về đường trí-tuệ và khoa-học, thành thử lâu ngày cái tinh-thần hư-hỏng, đến nỗi cái sở-doan không bỏ được mà cái sở-trường càng ngày càng tăng lên. Bởi đó mà thành ra cái ưu-thắng của người và cuộc liệt-bại của mình vậy.

Giả-sử nay ta biết hồi-tỉnh lại, cố gắng lấy cái sở-trường của mình, và lại học thêm cái sở-trường của người, thì chắc có thể dần-dần gây nên cái tinh-thần tốt đẹp, mạnh-mẽ, đủ làm cho ta cũng cường-thịnh được. Là vì, một đường, ta không bỏ mất cái căn-bản đã tạo-tác ra tâm-tính của ta, một đường, ta lại học thêm được cái hay của người, để theo thời mà biến-đổi cho thích-hợp với cái lẽ đương-nhiên, như vậy, thì dầu thế nào, cái kết-quả về sau cũng có phần hay được.

— NHO-GIÁO tập I —

(nhà xuất-bản Tân-Việt. In lần thứ ba, trang XVIII)



SƠ-HỌC LUÂN-LÝ

ĐẠI-CƯƠNG : Sơ-học luân-lý của Trần-trọng-Kim xuất-bản vào năm 1914. Có thể bảo rằng : Đó là kinh-nghiệm sau những năm học-tập khoa Sư-phạm tại trường Bảo-hộ (1906-1911) kinh-nghiệm giáo-dục tại các trường Bảo-hộ, trường Hậu-bồ và trường Sư-phạm.

Toàn cuốn chia ra làm bốn phần chính :

- 1) Gia-tộc luân-lý
- 2) Học-đường luân-lý
- 3) Bản-thân luân-lý
- 4) Xã-hội luân-lý.

CHỦ-ĐÍCH CỦA TRẦN-TRỌNG-KIM :

Toàn cuốn, ông nêu ra một mục-dích : Căn trau-dồi đức-hạnh của mình, như lời của đức Khổng :

Đệ-tử, nhập tắc hiếu, xuất tắc để, phiếm ái chiêm, nhi thân-nhân, hành hữu di lực, tắc dĩ học văn.

Trần-trọng-Kim cũng quan-niệm như thế : Người có hạnh cũng như cái hoa có hương thơm vậy, càng thơm bao nhiêu lại càng quý bấy nhiêu.

MẤY CÁI NGHĨA-VỤ YẾU-TRỌNG ĐỐI VỚI NƯỚC

1) Bồn-phận làm dân trong nước :

Nước là một nhà lớn ở trong thiên-hạ, của chung cả một dân-tộc. Mọi người trong nước cũng phải theo một chính-trị, và một pháp-luật, cùng có một phong-tục và một kỷ-niệm.

Bởi vậy, người trong nước dẫu xa-cách nhau thế nào cũng có nghĩa đoàn-thề liên-lạc, với nhau như con một nhà.

Nước là chỗ quê cha đất tổ, chỗ mồ-mã tổ-tiên mình ở đây, cho nên khi mình đi đâu xa-vắng, mình cứ đem lòng tưởng-nhớ.

Nước lại là cơ nghiệp của cha ông mình, đời nọ qua đời kia, mất bao nhiêu công-lao mới sáng-tạo nên được, và lưu-truyền lại cho mình, cho nên bao giờ mình cũng phải nhớ đến cái công-đức của cha ông và phải cố gắng mà làm-lụng để giữ cái cơ-nghiệp ấy cho bền-chặt.

Cái bòn-phận của mình đối với nước quan-trọng như thế, cho nên người làm dân trong nước là phải yêu nước. Mà yêu nước tức là phải đồng-tâm hiệp-lực, làm cho nước được yên-trị và cường-thịnh vậy.

2) Phải tuân-kính pháp-luật. —

Bòn-phận của người làm dân trong nước là trước hết phải tuân-kính pháp-luật. Pháp-luật là những điều công-lệ của nước đặt ra để bảo-thủ quyền-lợi của mọi người, và để ngăn-cấm những đứơc hung-ác, không được làm những sự gian-phi thiệt-hại cho người lương-thiện.

Cái chủ-đích của pháp-luật bao giờ cũng cốt vì-lợi chung của mọi người trong nước, cho nên thường lắm khi không hợp với cái lợi riêng của từng người một.

Nhưng ta phải hiểu rằng phạm việc gì đã lợi cho cả mọi người, tất là lợi cả cho mình nữa. Bởi vậy cho nên dẫu có điều gì không hợp với cái lợi riêng của mình, thì mình cũng đành phải chịu chứ đừng có vì-tiền mà làm trái pháp-luật.

Làm trái pháp-luật tức là làm loạn nước, như thế chắc là người lương-thiện không làm bao giờ.

3) Phải đóng thuế

Một nước cũng như một nhà phải sửa-sang công nợ việc kia, làm lợi chung cho cả mọi người. Thí dụ như nuôi binh-lính phòng khi có giặc-giã và nuôi quan-lai để coi việc chính-trị hoặc mở học-dường để dạy bảo những người đi học, làm nhà thương, nhà bệnh để chữa những người ốm đau, mở đường, đào sông để cho sự giao-thông việc giao-thông được tiện-lợi...

Làm những việc ấy thì phải có tiền mới được. Vậy nên dân trong nước phải chia nhau ra mà chịu mỗi người một phần. Phần ấy tức là tiền thuế của mình phải đóng.

Đóng thuế là một cách mình trả nợ cho nước, làm một cái nghĩa vụ chung cả mọi người trong nước. Ai không đóng thuế là làm điều trái với bổn-phận người làm dân vậy.

Phần chú-thích của Trần-trọng-Kim :

Dân-tộc : nói về một dân có tính-cách riêng (Peuple)

Chính-trị : cách lập ra phép-tắc về việc trị dân, trị nước.

Pháp-luật : Phép-tắc lệ-luật.

Cơ-nghiệp : Nói chung cả nhà cửa cái của cha ông tổ tiên để lại cho mình (héritage)

Đồng tâm, hiệp lực : Cùng một lòng, hợp một sức để làm việc gì.

Công-lệ : Cái phép chung, bao giờ cũng thế (Loi)



PHẢN PHỤ-LỤC

SỬ - QUAN

của

TRẦN - TRỌNG - KIM

PHỤ-LỤC

SỬ-QUAN CỦA A TRẦN-TRỌNG-KIM

Năm 1919, Trần-trọng-Kim bắt đầu khởi thảo cuốn *Việt-Nam Sử-Lược*. Tài-liệu này có giá-trị lâu-bền và chắc thật. Danh tiếng của ông vang-dội. Giới trí-thức ca ngợi đức tánh thận-trọng, điềm-đạm và khả-năng thâm-học của ông. Điều đặc-biệt hơn hết là ông nêu ra một sử-quan mới, thoát-ly những ảnh-hưởng cò-diền của môn học này.

Trong lời Tựa cuốn *Việt-Nam Sử-Lược*, Trần-trọng-Kim đã nêu rõ lập-trường của mình, một mặt vạch rõ khuyết-điểm của sử-quan cũ một mặt nêu rõ quan-điểm mới.

I. — NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM CỦA LỐI CHÉP SỬ NGÀY TRƯỚC

a) Lối biên niên.

Biên-niên là ghi-chép những hiện-tượng rời-rạc nhau, ghi từng năm tháng hoàn-toàn riêng-rẽ, xem như là những tĩnh-vật. Nhà chép sử như vậy chẳng khác nào những nhà thống-kê-học khô-khan, chỉ nhìn phơn-phớt bề ngoài của năm tháng. Càng khám phá chiều sâu, chúng ta mới say mê thêm, nguồn sinh-đục, trí tìm học càng ngày càng tăng-trưởng, đúng như lời của

Michelet vậy (L'historien... qui entreprend des s'effacer en écrivant, de ne pas être... n'est pas du tout un historien... En pénétrant l'objet de plus en plus, on l'aime, et dès lors on regrade avec un intérêt croissant... — (*Préface : Philosophie de l'Histoire*). Kỳ thật, bên trong mỗi niên hiệu còn ẩn-nấp bao nhiêu sự-kIỆN chủ-quan và khách-quan liên-lạc chằng-chịt với nhau. Càng nhìn sâu, quả tìm lại càng rung-động thêm nữa (Le coeur ému à la seconde vue, voit mille choses invisible au peuple différent).

Nguyên-nhân chính là do những sử-gia ngày trước còn mê-muội trong lối học kinh viện, nhai vắn, nhá chữ, tin theo lối giáo-diệu-học. Thiếu tinh-thần khai-phá, tổng-hợp, toàn-diện, tìm tương-quan, còn người mất hứng-thú nhìn muôn ngàn khía-cạnh khác nhau, bằng những cặp kính màu khác nhau. Phải đóng những vai nhà vạn-vật-học, nhà luân-lý-học, nhà địa-dư-học để tìm những tương-quan và bổ-sung cho đề-tài.

b) Lối thư-lại của các sử-thần.

Ngày trước, sử-gia hầu hết là sử-thần. Họ ăn lương của nhà vua, thọ ân của nhà vua, được biệt phái ra chăm nom việc chép sử. Trải qua bao nhiêu cuộc mới bước lên đài vinh quang, công danh, mà cuộc thách thức đó chẳng đi xa ra ngoài đường lối huấn-hỗ của chính-trị phong kiến. Mỗi ông vua nào lên, muốn giải thích hoặc tán dương sự-nghiệp của mình cho người đương thời và hậu thế rõ, đều sai người chép sử. *Lê-văn-Hưu* chép sử nhà Trần, *Ngô-sĩ-Liên* chép sử nhà Lê, hay xa hơn, *Botteau* và *Racine* chép sử cho vua Louis XIV (thế kỷ 17) không ngoài mục đích ca-tụng chính-quyền phong-kiến.

Số phận của *Boileau*, *Racine*, của *Ngô-Si-Liên*, *Lê-ăn-Hưu*, một *Kỷ-Hiền-Lam* (1) một khi hoàn-toàn bị mua chuộc thì chẳng khác nào là một tên hề đồng, một con đào hát chuyên lo múa rối, mong cho vua yêu mến, thỏa-thích cái ước vọng của mình thôi.

c) Học Sử Tàu : Khuyết-diễm thứ ba nữa là hầu hết các nho sĩ xưa, khi vừa mới bước vào ngưỡng cửa nhà trường thì chỉ chuyên học sử-sách của Tàu. Sau mười năm đèn lửa, họ thuộc lòng điển-tích của Trung-Hoa hơn là lịch-sử nước nhà. Thậm chí, đến khi làm văn bài thì họ cũng chỉ biết ca-tụng những anh-hùng Trung-hoa : Hán-cao-Tổ, Trương-Phi, Bá-Di, Thúc-Tề, gần đây là Lương, Khang, Trần, Hồ... Có giáo-sư kể lại : trong một kỳ vào vấn đáp, một học sinh theo chương-trình trung-học Pháp đã không ngớt ngừng giải đáp về nguồn gốc dân tộc Việt-Nam rằng : « *Nos ancêtres sont les Gaulois* ». Có gì tủi hổ đau thương cho bằng !

Vào khoảng 1939, trong tạp chí **Tao-Đàn**, một phong trào văn-hóa quốc-gia được khai quật. Trong số báo ra ngày 16-3-1939, một ký giả hữu danh có nêu lên một tình trạng bi thương :

« Ta đã vay mượn của người hàng xóm từ một điệu thơ nhỏ nhất, đến một đạo-lý cao xa. Rồi, xưa kia, chúng ta là những người Tàu, gần đây, chúng ta là những người Tây, và chẳng có một lúc nào, chúng ta là người Việt-Nam cả ».

(1) Sử Trung-hoa có chép rằng :

Kỷ-Hiền-Lam là văn-thần của vua Càn-Long. Khi nhà vua « hạ Giang-Nam » *Kỷ-Hiền-Lam* can ngăn. Vua cười mà rằng : « Chứ cũng dám can gián kia à ! Chứ đối với trăm chàng qua là con đào hát, một thằng hề đồng, lâu nay, nuôi nấng trong nhà đề hầu hạ làm vui mà thôi »

Cái tinh-thần *tự-ti mặc-cảm* trong diên-tích, sử-liệu gây bao nhiêu tai-họa, chà-xát tinh-thần người Việt, nhất là hạng nho-sĩ ngày trước.

d) Chép bằng văn-tự Trung-Hoa : Dù tài-liệu của chúng ta còn nghèo-nàn, sơ-sốt chẳng nữa, nhưng lại thêm lối biên chép bằng Hán-văn, cho nên khó lòng mà phồ-biến sâu rộng. Vào khoảng 1915-1918, khoa thi bắt đầu thay đổi. Nho sĩ Hán-học bước sang lãnh-vực Tây-học, họ thi nhau « ném bút lông đi, giắt bút chì » những nhà thâm nho càng ngày càng tiêu-diệu, vì vậy, chép một bộ sử bằng mẫu tự La-tinh là điều cần-thiết : *Cao-xuân-Dục*, *Hoàng-cao-Khải* có ra công biên soạn nhưng quá sơ-sài. *Pétrus Trương-vĩnh-Ký*, *Chales Maybon* chỉ biên-soạn bằng Pháp-văn. Vì vậy, Trần-trọng-Kim dù bận-rộn việc giáo-dục, cũng phải ghé vai gánh lấy.

II.— PHƯƠNG-PHÁP SỬ-HỌC CỦA TRẦN-TRỌNG-KIM

Nêu ra những khuyết-điểm như vừa trình-bày ở trên, tức là Trần-trọng-Kim đã bổ sung bằng những phương-tiện thích-nghi vậy

Một phương-pháp : Chương-mục-sử (chống lại phương pháp biên-niên-sử)

2) *Một tinh-thần* : Khoa-học, vô-tư, khách-quan không thiên-kiến

3) *Đề-tài* : Việt-Nam-sử.

4) *Ngôn-từ* : Chữ Quốc-ngữ (để dễ phồ-biến sâu rộng trong các tầng lớp trí-thức mới)

I. — LỐI CƯƠNG-MỤC

(Theo nghĩa đen thì *cương* là dây cái trong cái lưới, *mục* là dây con trong lưới). Trình bày theo *lối cương-mục* nghĩa là phải vâng theo một hệ-thống rõ-rệt, có tương-quan chắc-chẽ biết nhằm vào những yếu-tố chánh, phụ. Vì bao quát, rồi dần dà mới khảo-sát từng thành phần, nhưng điều-kiện căn-bản là qui-hướng vào những mệnh-đề đã nêu ra trước. Đánh rằng, phải tìm những nét chính, nhưng đó là kết-quả của những việc nghiên-cứu từng bộ môn. Chép sử không thể suy-luận miên-cường vội-vàng được, mà cần phải khách-quan khám-phá cho đến kỳ cùng. Kết-luận của từng chương, từng đoạn chỉ là lối tổng-kết tắt-yếu nêu ra. Nói như nhà sử học MICHELET : « *Chính nước Pháp, với những năng-lực và tiến-bộ riêng, đã làm ra nước Pháp* » (PHILOSOPHIE DE L'HISTOIRE—Préface de 1969). Ông lại còn khuyên người chép sử đừng nên ôm đồm nhiều quá, vồ-vập quá, nhưng cần nhất phải chọn-lựa cho cẩn-thận mới tìm ra những nét điển-hình cho sự kiện khác (Peux nombreux, mais assez bien choisis pour servir de symboles à tous les autres—trích PRÉCIS D'HISTOIRE MODERNE).

Có như thế mới có thể đánh tan những thành-kiến đã nêu trong sử-sách ngày xưa.

2. — TÀI-LIỆU.

Trần-trọng-Kim dựa vào những tài-liệu *Há-văn, Pháp-văn* và các *đã-sử*,

Đành rằng những tài-liệu Hán-văn (mà được mệnh danh là *chính-sử*) (1) có nhiều chỗ thiên-lệch, nhưng nếu với phương-pháp so-sánh các tài liệu, tổng-hợp những khám-phá ở các địa-hạt khác nhau, có thể tìm đến những kết-quả hữu-ích. Gạt bỏ những phê-phán chủ-quan của các sử-thần, rút những thành-tích thâm-luộm được hợp-lý và đúng với biện-chứng, chúng ta có một số tài-liệu thích-dụng. Gần đây, các nhà cổ-sanh-vật-học, nhân-chủng-học (tại trường Viễn-Đông Bác-Cổ) cũng đã khám-phá tận nơi những nền văn-minh thượng-cổ và thượng-trung-cổ như : *văn-minh Trấn-Ninh* (của hai nhà bác-học Fromaget và Saurin) *nền văn-minh Hòa-Bình* (của Cô Madeleine Colani), *nền văn-minh Bắc-Sơn* (của Mansuy), *nền văn-minh Đông-Sơn* (tài liệu của Goloubew)

Sau cùng là những *dã-sử*. Có người cho : dã-sử có tánh chất thần-thoại, vì là lối truyền-khẩu của dân-chúng, của nền văn-học bình-dân. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể khai-thác được một vài tánh-chất cần-thiết : khía-cạnh vô-tư, đại-da-số quần-chúng, trực-tả, chỉ cần gạt bỏ những phần hoang-đường, thiếu chứng-tích và tinh-thần khoa-học. Chúng ta còn tìm thấy ở những dã-sử tình đối-kháng, phản-ứng của dân-chúng trước thần-quyền, quân-quyền. Câu chuyện Phù-Đồng thiên-vương được thần-thánh-hóa. Chuyện Trần-Anh Tôn gã Huyền-Trà.

(1) Chính-sử chỉ có nghĩa là những tài liệu cổ bản văn. Nhà vua sai sử-thần biên-soạn. Được giữ tại Quốc-sử quán. Nhưng kỳ thật, khó lòng mà biết Chính ở đâu là ở đây ? Theo khuynh-hướng nào ?

Công-Chúa cho vua nước Chiêm-Thành CHẾ-MÂN đề đòi lấy châu Ô và Châu Lý gây nên trong nhân-gian những phản-ứng.

Ví như những câu ca-dao ;

— *Tiếc thay ! hạt gạo trắng ngần,*

Đã vò nước đục, lại vẩn lửa rơm.

— *Tiếc thay ! cây quế giữa rừng,*

Để cho thằng mán, thằng mường nó leo.

— *Tiếc thay ! hạt gạo tám xoan,*

Thối nời đồng điền, lại chan nước cà,

3) TINH-THẦN PHÊ-PHÁN VÀ THẨM-ĐỊNH

Ngoài ra *Việt-Nam sử lược* còn tuyên-bố cho chúng ta thấy sự đặc-thắng của tinh-thần thẩm-định và phê-phán trong tài-liệu-sử (đây là *Sử-Quan*.)

Qua bao nhiêu cuộc thay triều, đổi họ của các vương-hiệu ngày xưa, tìm cho ra giá-trị đâu là *chính-thống*, đâu là *ngụy-triều*, quả là vấn-đề nan-giải. Thối thường, được làm vua, thua làm giặc là chuyện thường. Những cuộc khởi-nghĩa bị bóp chết trong trứng nước thì đều liệt vào hạng «loạn» hay «giặc.» Loạn Khiêm-Lãng, loạn Tây-Sơn, giặc Châu-Chấu, Kỳ-Đồng . . . cả đến những nhà ái-quốc tha-thiết cuồng-nhiệt với cuộc tranh-đấu độc-lập, dấy lên được một thời-kỳ, gây được vài thành-tích, bị thất-bại, vẫn bị liệt vào giặc. Đọc *An-Nam chí-lược* của Lê-Tắc mới thấy rõ tinh-thần bồi bút, nô-lệ đó.

Ở Việt-Nam sử-lược của Lê-thần Trần-trọng-Kim có nhiều đoạn ông đặt lại vấn-đề một cách thấu-dáo. Ví dụ : chương bàn về cuộc khởi nghĩa của anh em Tây-Sơn. Trước hết, ông chống lại sử-quan lệch-lạc, xây-dựng căn-bản quá mỏng-mạnh khi đặt vấn-đề nguy-triều và chính-thống ;

« Những người làm quốc-sử nước Tàu và nước ta thường cứ chia những nhà vua ra làm *chính thống* và *ngụy triều*. Nhà nào, một là đánh giặc mở nước, lập ra cơ-nghiệp, hai là kế truyền phân-minh, thần-dân đều phục, ba là dẹp loạn yên dân, dựng nghiệp ở đất trung-nguyên, thì cho là CHÍNH-THỐNG.

« Nhà nào, một là làm tội cướp ngôi vua, làm sự thoán đoạt không thành, hai là xưng đế, xưng vương ở chỗ rừng núi, hay là ở đất biên-địa, ba là những người ngoại-chủng vào chiếm nước làm vua, thì cho là NGUY TRIỀU. »

Phân-tách nhà Tây-Sơn cần phải nhìn vào :

- Thực-trạng của xã-hội.
- Vua Lê, chúa Trịnh, chúa Nguyễn, quân Thanh cướp nước.
- Nhà Tây-Sơn khởi-nghĩa trên cơ-sở nào.

a) Thực-trạng xã-hội.

(...) « Nguyên nước ta là nước quân-chủ, lấy cái nghĩa vua tôi làm trọng hơn cả, thế mà từ khi nhà Lê trung-hưng lên trở về sau, họ Nguyễn hùng cứ phương Nam , họ Trịnh xưng chúa miền Bắc, trên tuy còn tôn vua ; nhưng quyền về cả nhà chúa. Trong nước ta, đã có vua, lại có chúa, làm thành ra vua không phải là vua, tôi không phải là tôi, ấy là một thời loạn.

Đến sau, ở Nam thì có Trương-phúc-Loan chuyên-quyền làm bậy, ở ngoài Bắc thì có kiêu-binh làm loạn, giết hại quan đại thần, vua chúa phải nhún mình mà chiêu-dã, đình-thần khoanh tay mà chịu một bề, ấy lại là một lúc đại-loạn vậy... » (trang 368)

b) Vua Lê.

« Vì vua nhà Lê nhu-nhược, triều thần lúc bấy giờ không ai có tài kinh-luân, để cho Trịnh Bồng và Nguyễn-hữu-Chính nổi nhau mà chuyên-quyền, đến nỗi thành ra tán loạn. Dẫu thế nào mặt lòng, khi Nguyễn-Huệ giết Vũ-văn-Nhậm rồi, không nỡ dứt nhà Lê, đặt Giám-mục để giữ tông-miếu tiền-triều ; như thế thì cách ở với nhà Lê không lấy gì làm bạc.

Sau vua Lê-Chiêu-Thống và Hoàng-thái-Hậu đi sang kêu cứu bên Tàu, vua nhà Thanh nhân dịp ấy mượn tiếng cứu nhà Lê để lấy nước Nam, bèn sai binh-tướng sang giữ thành Thăng-Long. Bấy giờ cứ theo như tờ mật-dụ của vua Thanh thì nước Nam ta, bề ngoài tuy chưa ra mặt hẳn, nhưng kỳ thực đã vào tay người Tàu rồi. » (trang 360)

c) Cuộc khởi-nghĩa của anh em Tây-Sơn,

(...) « Lúc ấy, anh em Nguyễn-Nhạc là người dân mặc áo vải, dấy binh ở ấp Tây-Sơn, chống nhau với chúa Nguyễn để lập-nghiệp ở đất Qui-nhơn. Tuy rằng đối với họ Nguyễn là cừu địch, nhưng mà đối với nước Nam thì chẳng qua cũng là một người anh-hùng lập thân trong lúc biến-loạn đó mà thôi.

Còn như Nguyễn-Huệ là vua Thái-Tổ nhà Nguyễn Tây-Sơn, thì trước giúp anh bốn lần vào đánh đất Gia-Định đều được toàn thắng, phá hai vạn quân hùng-beo của Xiêm-La,

chỉ còn được mấy trăm người lủi-thủi chạy về nước; sau lại ra Bắc Hà, dứt họ Trịnh, tôn vua Lê đem lại mối cương-thường cho rõ-ràng. Ấy là đã có sức mạnh, mà lại biết làm việc nghĩa vậy...

(...) « Vậy nước đã mất thì phải lấy nước lại, ông Nguyễn Huệ mới lên ngôi Hoàng-đế truyền-hịch đi các nơi, đường đường, chính chính, đem quân ra đánh một trận, phá 20 vạn quân Tàu, tướng nhà Thanh là Tôn-sĩ-Nghị phải bỏ cả ấn-tín mà chạy, làm cho vua tôi nước Tàu khiếp sợ, tướng sĩ nhà Thanh thất đảm. Từ xưa đến nay, nước ta chưa có võ công nào lắm-liệt như vậy... »

« Xét qua những nguyên-nhân chủ-quan và khách-quan đó, theo nhận-định của Trần-Trọng-Kim thì nhà Tây-Sơn có đầy đủ điều kiện xứng-đáng cho chúng ta tôn là triều đại chính-thống, chứ không phải là ngụy triều. »

Tinh-thần phê-phán khách-quan, theo đúng bằng cứ như thế, quả là một thái-độ cần-thiết của các nhà phê-bình sử-học.

Lẽ tất nhiên, công việc nghiên-cứu của ông còn có khiếm-khuyết, vì cần có những tài-liệu chính xác của các khoa cổ-sanh-vật-học, địa-chất-học, nhân chủng-học, cần phải khảo-sát cận nơi chốn. Điều này đòi hỏi nhiều công-phu, nhiều nhà chuyên-môn làm-việc có qui-cử và có tài-chánh phương-tiện thật dồi-dào. Cần có một hội khảo-cổ chuyên công làm việc liên-tục và thuần-túy, trải qua nhiều năm tháng khó-khăn, nhẩn-nại.

Vì nhu-cầu cần-thiết của thời-đại, với thiện-tâm của nhà mô-phạm, một cơ-sở biên-khảo như vậy quả cũng đáng cho chúng ta khâm-phục. Với văn học nước nhà Trần-Trọng-Kim đã đặt một nền móng mới, một sử-quan mới để kẻ đi sau bồi-khuyết.

MỤC-LỤC

I.— Phần khảo-cứu —

- 1.— Niên-biểu
- 2.— Tiều-sử
- 3.— Tác-phẩm
- 4.— Hoàn-cảnh xã-hội.
- 5.— Ý-kiến phê-bình.

II.— Phần luận-đề.—

- 1.— Luận-đề về Sử-học (*trong cuốn Việt-Nam Sử-Lược*)
- 2.— Luận-đề về phê-bình tác-giả (*lời của giáo sư DQ Hàm*)
- 3.— Luận-đề về phê-bình Kiều (*của Trần-trọng-Kim*)
- 4.— Luận-đề về Luân-lý-học (*của Trần-trọng-Kim*)
- 5.— Luận-đề về quan-niệm văn-hóa Đông, Tây.
- 6.— Luận-đề về Nguyễn-Khuyến (*lời phê-bình của Trần-trọng-Kim*)
- 7.— Luận-đề về Trần-Tế-Xương (*lời phê-bình của Trần-trọng-Kim*).

III.— Phần trích-văn (*dùng để bổ-cứu tài-liệu*)

IV.— Phần phụ-lục.—

BẠN TRẺ

NHÀ SÁCH — NHÀ XUẤT-BẢN
381, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAIGON
BÁN ĐỦ SÁCH GIÁO-KHOA-CHUYÊN-KHOA

TỦ SÁCH GIÁO-KHOA LUYỆN THI T.H.Đ.N.C.

LUẬN-ĐỀ về CAO-BÁ-QUÁT	(Hồ-việt-Điều)	18\$
—>— NGUYỄN-KHUYẾN	—<—	18,
—>— PHAN-THANH-GIẢN	(Quốc-Ấn	18,
—>— HUỖNH-MÃN-ĐẠT	(Kiêm-Đạt)	18,
—>— CHU-MẠNH-TRÌNH	—<—	20,
—>— PHAN-BỘI-CHÂU	—<—	22,
—>— ĐOẠN TRƯỞNG TÂN THANH—		24,
—>— TÔN-T-TƯỜNG PHAN-V-TRỊ —		20,
—>— PHẠM-QUỲNH NG-V-VĨNH —<—		20,
—>— NGUYỄN-CÔNG-TRÚ	—<—	20,
—>— TÂN-ĐÀ NGUYỄN-K-HIỆU —<—		22,
—>— TRẦN-TRỌNG-KIM	(Kiêm-Thêm)	20,
LUẬN-ĐỀ VĂN-CHƯƠNG (tập I)	(Hồ-việt-Điều)	20,
VIỆT-VĂN BÌNH-GIẢNG (Đệ tứ)	—>—	68,

TỦ SÁCH TÂY-Y-HỌC PHỔ-THÔNG

CON GHỪNG TA	(V.N. Hoàng)	22,
ÁI-TÌNH THỰC-NGHIỆM	—<—	36,
TÔI DÙNG THUỐC	—<—	42,
TÔI HỘ-SINH	(V.N. Hoàng và Linh-Ba)	48,
TÔI HỌC Y-TẾ	—<—	62,

LOẠI THỰC-DỤNG

KẾ-TOÁN THƯƠNG-MÃI và KỸ-NGHỆ	(Ng-bá-Học)	65,
BAN ĐỒ MIỀN NAM VIỆT-NAM	(Phi-Hùng)	25,
—<— ĐÔ-THÀNH SAIGON	—<—	25,
—<— NĂM-CHÂU	—<—	35,
BẢN TÍNH THUỐC KHỐI	(Hoàng-Phong)	55,
—<— THÀNH GIÁ	—<—	25,

ĐANG IN

LUẬN-ĐỀ về ĐOẠN-TRƯỞNG TÂN-THANH (Tập II)	
—<— NGUYỄN-BÁ-HỌC (Lê-ngọc-Vỹ và Kiêm-Đạt)	
... và những tác-phẩm Giáo-khoa khác	
Soạn đầy đủ theo chương-trình B.Q.G.G.D.	

Thư và ngân-phiếu: Ô. Nguyễn-ngọc-Quan 381, Phan-dình-Phùng — SAIGON